



# HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

## OPERATIONS OF THE STATE BANK OF VIETNAM

**T**ên cơ sở các chỉ tiêu kinh tế xã hội vĩ mô do Chính phủ đề ra và mục tiêu của CSTT, NHNN đã đưa ra một số chỉ tiêu tiền tệ trong năm 2005 là:

- \* Tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 22% so với năm 2004;
- \* Tín dụng cho nền kinh tế tăng khoảng 25% so với năm 2004;
- \* Huy động vốn tăng khoảng 24% so với năm 2004.

### ĐIỀU HÀNH CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

Trước sức ép của chỉ số giá tiêu dùng có xu hướng tăng liên tục ở mức khá cao trong năm 2005 và mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao, NHNN luôn xem xét đưa ra các biện pháp can thiệp phù hợp với mục tiêu kinh tế vĩ mô và diễn biến thực tế của thị trường. Các giải pháp điều hành CSTT trong năm 2005 đã theo đúng mục tiêu, chuyển mạnh sang các giải pháp thị trường, điều hành bám sát qui luật thị trường và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần vào ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế: lãi suất và tỷ giá được giữ ở mức ổn định, dự trữ ngoại hối của Nhà nước tăng, nợ xấu giảm, hệ thống ngân hàng lành mạnh.

### Tiếp tục ổn định tỷ giá, giảm giá trị VND dưới 1%

Trong năm 2005 NHNN đã thực hiện điều hành tỷ giá (USD/VND) ổn định tương đối (tăng 0,86%), phù hợp với diễn biến kinh tế tiền tệ, không tạo nên những bất lợi cho nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu. Trên thực tế, việc điều hành tỷ giá gắn với quan hệ cung - cầu (do cung ngoại tệ lớn hơn cầu về ngoại tệ); tỷ giá trên thị trường tự do và trên thị trường liên ngân hàng không có sự chênh lệch đáng kể, vị thế đối ngoại của đồng Việt Nam tiếp

**B**ased on socio - economic indicators approved by the National Assembly and targets of the Monetary Policy, the State Bank of Vietnam set out several monetary criteria in 2005 as follows:

- \* Total liquidity increased by 22% compared to that of 2004
- \* Credits to the economy rose by 25% compared to that of 2004
- \* Total fund mobilization increased by 24% compared to that of 2004.

### MONETARY POLICY MANAGEMENT

Facing the pressure of continuous hike of CPI in 2005 and high targeted economic growth rate, SBV promptly took measures of intervention in consistence with macroeconomic targets and actual market developments. Monetary policy management measures in 2005 were consistent with approved goals and objectives, transformed to market measures, pursued the market forces and international economic integration, thus making contribution to the macroeconomic stability and increased economic growth rate: interest rate and exchange rate stability, increased foreign exchange reserve, declined non-performing loans, and sound banking system.

### Continued stable exchange rate, VND depreciation by less than 1%

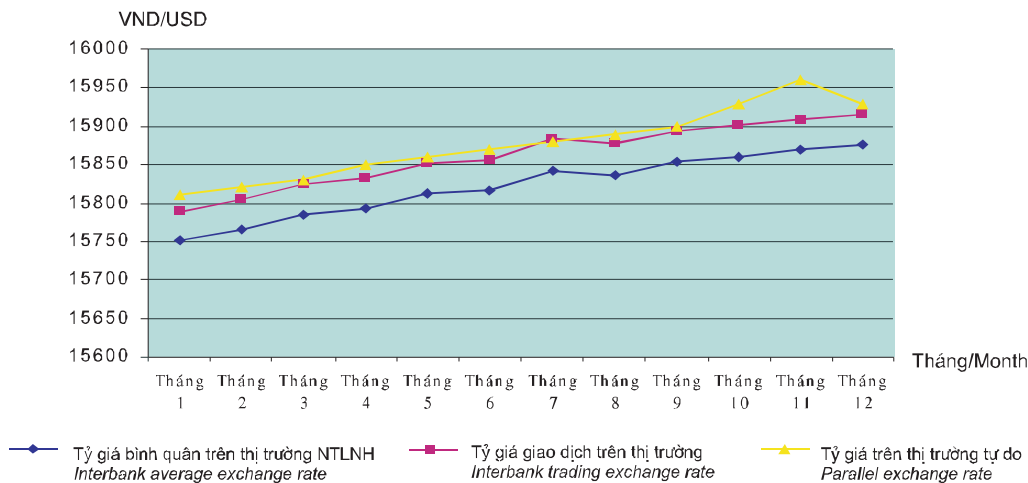
In 2005, exchange rate was stable with VND depreciation by 0.86% and in consistence with economic and monetary developments. SBV's exchange rate management measures had no adverse impacts on the economy and met requirements of export stimulation and import control. In reality, foreign exchange developments fairly reflected the market forces (foreign exchange supply higher than demand); the paral-



## OPERATIONS OF THE STATE BANK OF VIETNAM

### DIỄN BIẾN TỶ GIÁ NĂM 2005

#### EXCHANGE RATE DEVELOPMENTS IN 2005



tục được duy trì khi đặt tương quan trong mối quan hệ với các đồng tiền chủ chốt trên thế giới như đồng Euro, Yên Nhật, bảng Anh...

Việc ổn định tỷ giá đã góp phần ổn định thị trường tiền tệ, tạo lòng tin của người dân đối với VND, tránh được sự dịch chuyển từ VND sang gửi ngoại tệ trong bối cảnh lạm phát cao. Đồng thời, tạo tâm lý thuận lợi, hướng nhìn nhận tốt về môi trường đầu tư ở Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

**Điều hành chính sách lãi suất một cách linh hoạt trên cơ sở phân tích diễn biến lãi suất tiền tệ, lạm phát trong nước và lãi suất trên thị trường quốc tế**

NHNN đã điều chỉnh tăng một số lãi suất chỉ đạo cho phù hợp với thị trường quốc tế và diễn biến kinh tế vĩ mô: 02 lần tăng lãi suất cơ bản từ 7,5-7,8-8,25%/năm; 3 lần tăng lãi suất tái cấp vốn từ 5,0-5,5-6,0-6,5%/năm; 3 lần tăng lãi suất chiết khấu từ 3,0-3,5-4,0-4,5%/năm. Bên cạnh đó, trần lãi suất tiền gửi bằng USD của pháp nhân tại các tổ chức tín dụng (TCTD) đã được điều chỉnh tăng 2 lần. Việc điều chỉnh các mức lãi suất như nêu trên là tương đối hợp lý, phù hợp với điều kiện của thị trường, đồng thời khuyến khích các NHTM tăng cường công tác huy động vốn từ dân cư để cho vay nền kinh tế, giảm việc cung ứng tiền ra lưu thông. Vì vậy, lãi suất thị trường trong năm 2005 đã tăng do điều kiện thị trường, nhưng không gây đột biến và đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa người gửi tiền-TCTD- người đi vay, tín dụng tiếp tục mở rộng đã hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế.

...lel market's exchange rate and the trading exchange rate in the inter-bank market were slightly different; VND's external position was further steady in comparison to such hard currencies as Euro, Japanese yen, pound sterling...

Stable exchange rate contributed to the monetary market stability, increasing the public confidence in VND, preventing the conversion of VND to foreign currency in the context of high inflation and making foreign investors confident in Vietnam's investment environment.

**Interest rate policy was managed flexibly on the basis of analysis of domestic interest rate and inflation and international market's interest rate developments.**

In 2005, the SBV adjusted some benchmark interest rates in accordance with international market and macroeconomic developments: 2 times raising base interest rate of 7.5-7.8-8.25%/year; 3 times increasing refinancing rate of 5.0-5.5-6.0-6.5%/year; and 3 times raising discount rate of 3.0-3.5-4.0-4.5%/year. Besides, SBV also twice increased the ceiling interest rate of USD deposits of legal entities with credit institutions. Such interest rate adjustments, which were relatively in line with the market conditions, stimulated commercial banks to further mobilize fund from the public to provide credits to the economy, which helped to reduce the supply of currency in circulation. Therefore, the increase of interest rates in 2005, due to the market conditions, did not cause any shock, but harmonized relationship between

# HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC



## Kiểm soát tăng trưởng tín dụng đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng

Để kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, bên cạnh việc điều chỉnh tăng lãi suất nêu trên và điều tiết linh hoạt vốn khả dụng của các TCTD, NHNN đã chỉnh sửa các cơ chế tín dụng như sửa đổi cơ chế cho vay, cơ chế đảm bảo tiền vay, phân loại nợ... và ban hành Chỉ thị 02/2005/CT-NHNN ngày 20/04/2005 và 05/2005/CT-NHNN ngày 25/04/2005 chỉ đạo các TCTD kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng, tốc độ tăng trưởng phải phù hợp với tăng trưởng huy động vốn thực tế và kiểm soát rủi ro, chú trọng thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng, đảm bảo an toàn hệ thống. Vì vậy, trong năm 2005, các TCTD đã có những chuyển biến tích cực trong hoạt động cho vay, tốc độ tăng trưởng tín dụng đã giảm từ 41,65% của năm 2004 xuống còn 31,04% trong năm 2005.

## Kiểm soát thận trọng khối lượng tiền tệ thông qua việc điều hành linh hoạt các công cụ CSTT như nghiệp vụ tái cấp vốn, dự trữ bắt buộc, đặc biệt là nghiệp vụ thị trường mở

Trong năm 2005, NHNN đã điều tiết linh hoạt vốn khả dụng của các TCTD thông qua nghiệp vụ thị trường mở, nhất là trong dịp Tết nguyên đán (doanh số năm 2005 tăng 65,5% so với năm 2004); cung ứng tiền chủ yếu cho mua ngoại tệ, nhưng đồng thời qua các kênh tái cấp vốn, nghiệp vụ thị trường mở cũng đã hút tiền về, qua đó, giảm tác động của việc đưa tiền qua kênh mua ngoại tệ và tác động của kênh tiền gửi Chính phủ đến tổng phương tiện thanh toán (TPTTT), cũng như đáp

depositors and credit institutions as the borrowers. Consequently, the credit expansion actively supported economic growth.

## Controlling credit growth was in parallel with improving credit quality

In addition to the interest rate adjustments and flexible management of the credit institutions' liquidity, in order to contain inflation and sustain economic growth, SBV amended the credit regulations such as regulation on lending, loan security, loan classification .... and issued Instruction No. 02/2005/CT-NHNN dated April 20, 2005 and Instruction No. 05/2005/CT-NHNN dated April 25, 2005 to guide credit institutions to control credit growth rate to be in consistence with actual fund mobilization and risk management, to pay attention to increasing credit quality and ensure the safety of the system. Thus, in 2005, credit institutions made active progress in lending operations, in which credit growth rate decreased from 41.65% in 2004 to 31.04% in 2005.

## To prudentially control the money volume through flexible management of monetary policy instruments such as refinancing, reserve requirement, and especially open market operations (OMOs)

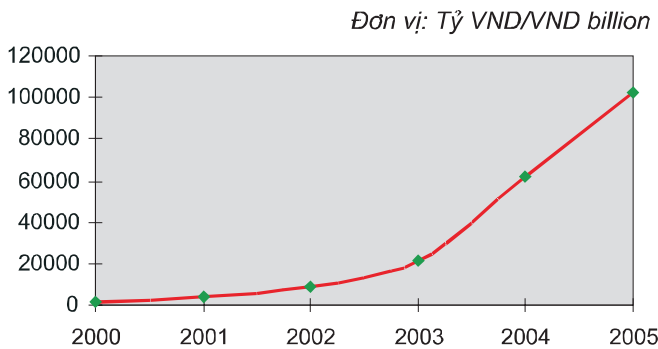
In 2005, SBV had flexibly managed the liquidity of credit institutions by OMOs, particularly during the Lunar New Year (the turnover in 2005 increased by 65.5% compared with that in 2004); money supply was carried out mainly by purchasing foreign currencies, meanwhile money was absorbed



## OPERATIONS OF THE STATE BANK OF VIETNAM

### DOANH SỐ GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG MỎ, 2000 - 2005

Trading volume in OMOs, 2000 - 2005



ứng kíp thời nhu cầu vốn khả dụng cho các TCTD. Việc điều hành linh hoạt các công cụ CSTTT đã ổn định thị trường tiền tệ, tỷ giá, góp phần cho tăng trưởng kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô.

#### Đối với nghiệp vụ thị trường mở:

Năm 2005, hoạt động nghiệp vụ thị trường mở đã đánh dấu bước phát triển đáng kể sau 5 năm được NHNN chính thức thực hiện. Trên thực tế, trong năm 2005 nghiệp vụ thị trường mở tiếp tục được tăng cường sử dụng như một công cụ chủ yếu trong điều tiết tiền tệ theo mục tiêu CSTT của NHNN:

Tính chung cả năm 2005, số lượng phiên giao dịch tăng 28,5% so với năm 2004. Để điều tiết kịp thời vốn khả dụng cho các TCTD, trong năm 2005, nghiệp vụ thị trường mở được thực hiện theo định kỳ 3 phiên/tuần. Đặc biệt, trong dịp giáp Tết âm lịch, 10 ngày cuối năm 2005, nghiệp vụ thị trường mở được thực hiện trong tất cả các ngày làm việc. Cá biệt, trong một số thời điểm khi nhu cầu hỗ trợ thanh khoản của các TCTD tăng cao, NHNN đã thực hiện 2 phiên/ngày để hỗ trợ cho các TCTD đảm bảo khả năng thanh toán, chi trả, duy trì ổn định tiền tệ.

Quy mô hoạt động nghiệp vụ thị trường mở được tiếp tục mở rộng, tăng cường khả năng điều tiết của công cụ này đến vốn khả dụng của các TCTD và các điều kiện thị trường tiền tệ. Tổng doanh số giao dịch trong năm 2005 theo cả 2 chiều mua và bán giấy tờ có giá đạt 102.511 tỷ đồng, tăng khoảng 65,5% so với năm 2004. Doanh số giao dịch bình quân trong từng phiên đạt khoảng 648,8 tỷ đồng, tăng khoảng 28,85 % so với doanh số giao dịch bình quân một phiên năm 2004.

Lãi suất nghiệp vụ thị trường mở đã được điều

by refinancing and open market operations, thenceforth decreasing the impact of supplying money through purchasing foreign currencies and the impact of the Government's deposits on the total liquidity while timely meeting the liquid demand of credit institutions. The flexible management of monetary policy instruments had achieved the monetary market and exchange rate stability to speed up economic

growth and stabilize macroeconomics.

#### Open market operations (OMOs):

In 2005, open market operations marked a remarkable development after 5 years of official operations by SBV. In fact, in 2005, open market operations continued to be used as the key instrument in regulating SBV's monetary policy targets:

In 2005, as the whole, the number of trading transaction increased by 28.5% compared with that in 2004. In order to timely manage the liquidity for credit institutions, in 2005, SBV held 3 OMOs sessions per week. Particularly, OMOs was conducted on the daily basis during the last 10 working days of 2005 and before the Lunar New Year. In special cases, SBV held 2 sessions per day to assist the management of liquidation of credit institutions in a timely manner and to stabilize the money market.

The scale of OMOs had been expanded, which helped strengthening the regulation ability of this instrument on the liquidity of credit institutions and market conditions. In 2005, trading volume by purchasing and selling valuable papers transactions was 102,511 billion dong, an increase of about 65,5% compared with that in 2004. The average trading volume per auction was 648.8 billion dong, an increase of about 28.85% compared with that in 2004.

In the meantime, SBV had flexibly managed the interest rate of OMOs in consistence with monetary policy targets and market interest rate situation. The interest rate in buying transactions of 14 day - term valuable papers was around 5.0-



## HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

hành linh hoạt bám sát mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ và diễn biến lãi suất thị trường. Lãi suất trong các phiên chào mua giấy tờ có giá với kỳ hạn chủ yếu 14 ngày dao động trong khoảng 5,0-6,8%/năm. Lãi suất trong các phiên bán giấy tờ có giá kỳ hạn 15-21 ngày dao động trong khoảng 4%-5%/năm.

Thành viên tham gia nghiệp vụ thị trường mở trong năm 2005 cũng đã được tăng cường. Việc NHNN điều hành linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở với các quy trình thủ tục thuận lợi đã ngày càng thu hút sự quan tâm của các TCTD thành viên. Đến nay, các thành viên thường xuyên tham gia giao dịch nghiệp vụ thị trường mở không chỉ có các ngân hàng thương mại Nhà nước mà còn có một số ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP), chi nhánh ngân hàng nước ngoài (như NHTMCP Á châu, NHTMCP Nhà Hà Nội, NHTMCP Xuất nhập khẩu, NHTMCP Kỹ thương, NHTMCP Quốc tế, NHTMCP Quân đội, NHTMCP Sài Gòn Thương tín, Deutsche Bank, Citibank...).

### Công cụ Dự trữ bắt buộc:

Công cụ dự trữ bắt buộc (DTBB) tiếp tục được điều hành theo hướng tính bình quân theo tháng nhằm tạo điều kiện cho các TCTD sử dụng linh hoạt nguồn vốn. Đồng thời, để tạo điều kiện cho các TCTD sử dụng có hiệu quả nguồn vốn, NHNN tiếp tục thực hiện trả lãi cho tiền gửi trong mức dự trữ bắt buộc bằng VND và không trả lãi cho tiền gửi vượt mức dự trữ bắt buộc nhằm hạn chế việc các TCTD để vốn dư thừa tại NHNN. Nhờ vậy, trong năm 2005, mức dự trữ vượt của các TCTD tại NHNN đã giảm mạnh, trung bình tỷ lệ dự trữ vượt trên tổng số tiền phải DTBB đã giảm từ mức 47% năm 2004 xuống còn 24%.

### Công cụ tái cấp vốn, tái chiết khấu:

Công cụ tái cấp vốn và công cụ tái chiết khấu được NHNN sử dụng thường xuyên nhằm tác động vào các điều kiện của thị trường tiền tệ để thực hiện mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ của NHNN. Để mở rộng khả năng điều tiết tiền tệ của NHTW, trong năm 2005, NHNN đã ban hành Quyết định 1909/QĐ-NHNN ngày 30/12/2005 về việc các TCTD sử dụng một số loại trái phiếu trong các giao dịch tái cấp vốn của NHNN. Theo đó, danh mục giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch cầm cố, thấu chi và cho vay qua đêm, giao dịch kỳ hạn trong chiết khấu và nghiệp vụ thị trường mở đã được mở rộng, bao gồm các

6.8%/year. The interest rate in selling transactions of 15 to 21 day - term valuable papers was 4-5%/year.

In 2005, there were some new players to participate in the OMOs. The OMOs had become more attractive for the participants due to SBV's OMOs flexible management and favorable conditions. Up to now, the participation in OMOs included not only the state-owned commercial banks, but also several joint-stock commercial banks, and foreign bank branches such as ACB, Eximbank, Habubank, Techcombank, VIB Bank, Joint Stock Military Bank, Sacombank, Deutsche Bank, Citibank....

### Reserve requirements

Reserve requirements which were managed on the monthly average basis were applied to help the credit institutions flexibly use their resources, and at the same time to assist these institutions efficiently operating their capital, SBV continued to pay interests for VND required reserves but not for excess reserves to prevent the institutions' liquidity surplus in SBV. Thanks to such measure, the institutions' excess reserves were significantly reduced by which the ratio of average excess reserves to total required reserves was decreased from 47% in 2004 to 24% in 2005.

### Refinancing and Rediscount

Refinancing and rediscount have been frequently undertaken by SBV to have its effect on monetary market conditions, achieving SBV's management objectives of the monetary policy. To strengthen SBV's monetary policy regulation, it issued Decision No. 1909/QĐ-NHNN dated 30 December, 2005 on credit institutions' application of certain types of bonds in SBV's refinancing transactions in which valuable papers would be used in the forms of collateralized lending, overdraft, and overnight lending transactions and expanded term transactions in discount and open market operations including bonds issued by the Development Assistance Fund, and the Hanoi and Ho Chi Minh People's Committees.

In 2005, credit institutions paid more attention to application of SBV's refinancing and rediscount. They considerably conducted their allocated discount lines with the discount line ratios going up from 60% to 80% of the total allocated discount lines. Refinancing volumes in 2005 were 50%





## OPERATIONS OF THE STATE BANK OF VIETNAM

OPERATIONS OF THE STATE BANK OF VIETNAM

HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

trái phiếu do Quỹ Hỗ trợ phát triển, trái phiếu UBND Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh phát hành.

Trong năm 2005, các TCTD đã quan tâm hơn đến việc sử dụng các công cụ tái cấp vốn, tái chiết khấu của NHNN. Các TCTD đã sử dụng triệt để hơn hạn mức chiết khấu được phân bổ, tỷ lệ sử dụng hạn mức chiết khấu đã tăng từ 60% lên 80% tổng hạn mức chiết khấu được phân bổ. Đối với giao dịch tái cấp vốn trong năm 2005 doanh số giao dịch tăng 50% so với năm 2004. Các NHTM thực hiện các giao dịch tái cấp vốn với NHNN không chỉ là các NHTM Nhà nước mà còn bao gồm cả các NHTM cổ phần, Ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Doanh số giao dịch và thành viên tham gia nghiệp vụ tái cấp vốn, tái chiết khấu được mở rộng sẽ làm gia tăng tác động của các công cụ này đến thị trường tiền tệ.

**Đổi mới cơ chế quản lý ngoại hối thông thoáng hơn, phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế, các giao dịch vãng lai đã được tự do hoá.**

Trong năm 2005, các quy định về quản lý ngoại hối đã có những thay đổi quan trọng không chỉ để thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ mà còn đáp ứng được những nhu cầu khách quan của nền kinh tế, nhu cầu hội nhập và tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước về ngoại hối và hoàn thiện hệ thống quản lý ngoại hối, cụ thể như:

Ngày 27/6/2005, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 921/2005/QĐ-NHNN về việc sửa đổi Quyết định 337/1998/QĐ-NHNN7 ngày 10/10/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước với nội dung chính là nâng mức ngoại tệ và đồng Việt Nam bằng tiền mặt phải khai báo Hải quan khi xuất nhập cảnh (từ 3.000 USD lên 7.000 USD đối với ngoại tệ, và từ 5 triệu lên 15 triệu VND đối với đồng Việt Nam).

Ngày 18/10/2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 131/2005/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối có hiệu lực kể từ ngày 08/11/2005. Nội dung chính của Nghị định này là khẳng định nguyên tắc tự do hoá vãng lai, theo đó các khoản thanh toán và chuyển tiền đối với các giao dịch vãng lai được tự do thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Bằng việc

*higher than that in 2004. The institutions participating in refinancing transactions with SBV comprised of not only state-owned commercial banks but joint-stock and joint-venture banks and foreign bank branches. The increase of transaction volumes and expansion of members who participated in refinancing and rediscount transactions would enhance the effects of these instruments on the money market.*

***Thanks to broader reform in foreign currency management mechanism in consistence with the development of an international integration-oriented economy, current transactions were liberalized***

*In 2005, there were major changes in regulations on foreign exchange management not only to institutionalize the Party's policies in the financial sector but also to meet the objective requirements set by the economy, and the demand for international integration and better efficiency of the state management in foreign exchange and improvement of the legal framework. Following are specific undertakings:*

*On 27/6/2005, the State Bank of Vietnam issued Decision No. 921/2005/QĐ-NHNN to revise Decision No. 337/1998/QĐ-NHNN7 dated 10/10/1998 of the SBV Governor. The major point of this decision is to raise the amounts of foreign currencies and Vietnamese dong to be declared by travelers from USD 3,000 to USD 7,000 with regard to foreign currencies and from VND 5 million to VND 15 million with regard to Vietnamese dong.*

*On 18/10/2005, the Government issued Decree No. 131/2005/NĐ-CP to revise Decree No. 63/1998/ND-CP dated 17/8/1998 by the Government, to be effective as of 08/11/2005. The major content of this revised Decree is to confirm current account liberalization, by which payments and transfers for current account transactions are liberally conducted within the territory of Vietnam. By issuing this Decree, Vietnam fully complies with its commitments provided for in Article VIII of the Article of Agreement of the International Monetary Fund on current account liberalization, as well as reflects its great efforts to join WTO. On January 05, 2005, IMF issued an official press release to accredit Vietnam's full compliance with paragraphs 2, 3, 4 of Article VIII of the IMF Article of Agreement.*

## HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC



ban hành Nghị định này, Việt Nam đã thực hiện cam kết nêu tại Điều khoản VIII Điều lệ Quỹ tiền tệ quốc tế về tự do hoá vãng lai, đồng thời thể hiện nỗ lực của Việt Nam gia nhập WTO. Ngày 5/01/2006, IMF đã ra thông cáo chính thức công nhận Việt Nam đã hoàn toàn chấp nhận các nghĩa vụ được nêu tại các mục 2, 3, 4 của Điều VIII Điều lệ Quỹ Tiền tệ Quốc tế.

Ngày 26/8/2005 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký ban hành Thông tư 04/2005 sửa đổi, bổ sung Thông tư 01/1999 hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, đây là một thay đổi quan trọng nhằm tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn ngoại tệ cho các dự án đầu tư ra nước ngoài, từng bước mở rộng khả năng và triển vọng vươn ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Ngày 21/12/2005, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã ký Lệnh số 35/2005/L/CTN công bố Pháp lệnh ngoại hối đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 13/12/2005. Pháp lệnh ngoại hối (PLNH) có hiệu lực kể từ ngày 1/6/2006. Đây là văn bản pháp lý chuyên ngành cao nhất trong lĩnh vực quản lý ngoại hối. PLNH được ban hành đã tạo ra những bước thay đổi quan trọng trong chính sách quản lý ngoại hối của Việt Nam. Bên cạnh việc khẳng định nguyên tắc tự do hoá đối với các giao dịch vãng lai, PLNH đã thực hiện từng bước nới lỏng, quản lý có chọn lọc các giao dịch vốn; qui định những nguyên tắc nhằm hạn chế đo lường, tiến tới thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam chỉ sử dụng đồng Việt Nam. Bên cạnh đó, còn mở cửa mạnh mẽ thị trường ngoại hối thông qua việc cho phép các TCTD phi ngân hàng tham gia thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, đa dạng hoá các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh ngoại hối, xoá bỏ chế độ cấp phép đối với các loại hình giao dịch

On 26/8/2005, the Governor of the State Bank of Vietnam issued Circular No. 04/2005 to revise Circular No. 01/1999 on guidelines for foreign exchange management applied to direct investment abroad. This is an important change to increase the capacity to access foreign currency-denominated capital sources for overseas investment projects, step-by-step increasing the possibility and prospects of Vietnamese enterprises' access to foreign markets in the integration process.

On 21/12/2005, President Tran Duc Luong signed Order No. 35/2005/L/CTN to issue Foreign Exchange Ordinance approved by the Standing Committee of the National Assembly on 13/12/2005. The Foreign Exchange Ordinance (FEO) will be effective as of June 1st, 2006. This is the highest legal document in foreign exchange management. The issued FEO has created important changes in the foreign exchange management policy of Vietnam. Besides confirming current account liberalization, FEO step-by-step loosens and selectively regulates capital account transactions, provides principles to restrict dollarization, towards the goal of only spending Vietnamese dong in the Vietnamese territory. Moreover, the foreign currency market is also fully opened by allowing non-bank Credit Institutions to participate in the inter-bank forex market, diversifying forex services and products, and removing the licensing mechanism for forex dealing; market participants are allowed to trade forex in accordance with international practices when meeting requirements set by the State Bank of Vietnam.

Besides, the overseas Vietnamese remittance policy becomes more open with evidence that remittance quantity is not limited, recipients do not have to pay tax, and remittance fees are low just to name a few. Therefore, in 2005, overseas Vietnamese remittance amount through official channels increased by 20% as compared with 2004.

Management of enterprises' foreign debts has been improved towards further transparency: In 2005, when Circular No. 09/2004/TT-NHNN dated 21/12/2004 of the State Bank of Vietnam guiding enterprises' foreign debt borrowing and repayment went into effect, foreign debt management has been basically improved towards simplification, creating favorable conditions for enterprises to borrow. The stipulation that enterprises have to



## OPERATIONS OF THE STATE BANK OF VIETNAM

OPERATIONS OF THE STATE BANK OF VIETNAM

HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

ngoại hối, các đối tượng tham gia thị trường được thực hiện các loại hình giao dịch ngoại hối theo thông lệ quốc tế khi đáp ứng đủ các điều kiện do NHNN quy định.

Ngoài ra, chính sách kiều hối được cởi mở hơn, như người gửi tiền về nước không bị hạn chế về mặt số lượng, người nhận không phải đóng thuế, phí gửi tiền thấp... Do vậy, trong năm 2005 lượng kiều hối chuyển về Việt Nam qua các kênh chính thức tăng 20% so với năm 2004

Công tác quản lý nợ nước ngoài của Doanh nghiệp được cải tiến theo hướng thông thoáng hơn: Trong năm 2005, sau khi Thông tư 09/2004/TT-NHNN ngày 21/12/2004 của NHNN hướng dẫn vay trả nợ nước ngoài đi vào thực tiễn, về cơ bản cơ chế quản lý vay trả nợ nước ngoài đã được cải tiến theo hướng đơn giản hoá, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đi vay. Khái niệm doanh nghiệp phải đăng ký vay vốn nước ngoài được quy định rõ ràng phù hợp với các qui định tại các văn bản luật hiện hành; phân cấp quản lý cụ thể, hợp lý hơn so với những quy định trước đây đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đăng ký khoản vay một cách nhanh chóng, giảm chi phí đi lại, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, góp phần thu hút vốn đầu tư nước ngoài và đảm bảo việc quản lý nhà nước về vay trả nợ nước ngoài của Doanh nghiệp. Việc quy định thời gian xử lý, thẩm quyền xử lý, quy định về rút vốn, trả nợ, kiểm soát chứng từ của các tổ chức tín dụng và chế độ báo cáo càng rõ ràng hơn.

### HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN

**Chương trình hiện đại hóa ngân hàng và phát triển hệ thống thanh toán, mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt tiếp tục được thực hiện.**

NHNN cùng với các NHTM thực hiện thành công Dự án hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống thanh toán giai đoạn I trị giá 50 triệu USD. Năm 2005, để tăng cường năng lực của hệ thống thanh toán đáp ứng nhu cầu phát triển của ngân hàng hàng và nền kinh tế, WB đã tiếp tục tài trợ cho Việt Nam với số vốn 105 triệu USD nhằm thực hiện giai đoạn II của dự án. Sự triển khai giai đoạn II của dự án sẽ tạo điều kiện cho việc phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại, đa tiện ích, hỗ trợ đắc lực cho NHNN trong việc xây dựng và điều hành CSTT quốc gia. Ngoài ra, các hoạt động dịch vụ ngân hàng tiếp tục phát triển. Dịch vụ ngân hàng bán lẻ nói chung được các ngân

*register foreign debt borrowing has been in consistency with current legal documents; management decentralization has become more specific and more reasonable than previous regulations, which helps enterprises to register loans quickly, reducing traveling costs, creating favorable investment environment, contributing to attracting further foreign investment capital and ensuring the State management over enterprises' foreign loan borrowing and repayment. The stipulations on settlement time, settlement authority, regulations on loan withdrawal, loan repayment, and document checking of credit institutions and reporting requirements are even clearer.*

### PAYMENT ACTIVITIES

**Continue the banking modernization and payment system development programs, and encourage non-cash payment**

SBV, together with commercial banks, has successfully implemented Phase I of the Banking and Payment System Modernization Project worth USD 50 million. In 2005, in order to strengthen the capacity of the payment system to meet the development requirements of the banking sector and the economy, WB continued to fund Phase II of the Project worth USD 105 million. The implementation of Phase II of the Project would create conditions for the development of modern, multi-functional banking products and effectively assist SBV in formulating and implementing the national monetary policy. Besides, banking services continued to develop. All commercial banks focussed on retail banking in general; especially advanced electronic means of payment, thus creating a new dimension in payment activities in Vietnam.

**Development of payment systems:**



# HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

hàng thương mại đặc biệt quan tâm, nhất là các phương tiện thanh toán điện tử hiện đại, tạo một diện mạo mới cho hoạt động thanh toán ở Việt Nam

## Phát triển các hệ thống thanh toán

Các hệ thống thanh toán có nhiều cải thiện trong những năm gần đây. Hệ thống thanh toán liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước giữ vị trí xương sống trong các hệ thống thanh toán, là hệ thống thanh toán quốc gia có vai trò điều hoà các luồng thanh toán của nền kinh tế. Bên cạnh đó, các hệ thống thanh toán nội bộ của các ngân hàng thương mại cũng là cấu phần quan trọng trong việc duy trì dòng chảy tiền tệ, giữ ổn định hệ thống tài chính.

## Phát triển dịch vụ thanh toán

Tiếp tục xu hướng phát triển mạnh mẽ về dịch vụ thanh toán ngân hàng từ những năm gần đây, trong năm 2005 sự phát triển trong lĩnh vực này đặc biệt ấn tượng. Minh chứng cho xu hướng này là số lượng tài khoản cá nhân - yếu tố luôn đi kèm với sự gia tăng về số lượng và chất lượng dịch vụ ngân hàng cho các chủ tài khoản - đạt tới 5 triệu tài khoản vào cuối 2005, gấp 3,8 lần so với 1,3 triệu tài khoản vào cuối năm 2004.

## Dịch vụ thẻ ngân hàng

Lĩnh vực thẻ ngân hàng tăng trưởng đặc biệt nhanh, tốc độ bình quân đạt trên 300%/năm từ năm 2003 đến nay. Đến cuối năm 2005 có hơn 2 triệu thẻ phát hành so với gần 21 nghìn thẻ của năm 2002. Ngân hàng thành viên tham gia thị trường ngày càng nhiều, hiện nay đã có hơn 20 ngân hàng thương mại tham gia; trong đó: 17 ngân hàng phát hành thẻ nội địa, 06 ngân hàng phát hành thẻ tín dụng quốc tế và hơn 20 ngân hàng có hoạt động đại lý thanh toán thẻ.

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ phục vụ hoạt động của thị trường thẻ Việt Nam ngày càng phát triển, phạm vi hoạt động được mở rộng. Năm 2005 thị trường toàn quốc có trên 1.200 máy ATM so với 843 máy năm 2004; 10.000 thiết bị ngoại vi (EDC và POS) so với 9.625 thiết bị năm 2004 và

*Payment systems have been improved in the recent years. The inter-bank payment system of SBV plays the key role among different payment systems being the national payment system with the role of moderating payment flows of the whole economy. Besides, internal payment systems of commercial banks are also important components to maintain the monetary circulation and the stability of the financial system.*

## Development of payment services:

*In continuing the development trends of banking payment services, in 2005, the development in this area was especially impressive. One evidence is that the number of individual accounts - which also means the improvement in both quantity and quality of banking services for account holders - reached 5 million accounts as of end 2005, an increase of 3.8 times compared with 1.3 million accounts as of end 2004.*

## \* Card services

*The card market has grown especially fast with the average growth rate of more than 300%/year since 2003 up to now. As of end 2005, more than 2 million cards had been issued as compared with 21,000 cards as of end 2002. More and more banks have participated in the card market. Up to now, there are more than 20 commercial banks participating in the market, in which 17 banks issue domestic cards, 06 banks issue international credit cards and more than 20 banks act as agents for international card companies.*

*Technological infrastructures for the card market in Vietnam have been developing with an enlarged scope of activities. In 2005, there were 1,200 ATMs in the whole country as compared with only 843 ATMs in 2004; 10,000 devices (EDC and POS) as compared with 9,625 devices in 2004 and more than 11,000 card-acceptance points as compared with 8,100 points in 2004.*

*Added values by card services have certainly increased and obtained many significant outcomes. Cards are used not only for cash withdrawal but also for other purposes such as balance enquiries, statement printing, transfer to one or more accounts, purchase of goods and services at card-acceptance points, paying for frequent bills... Moreover, some banks have*



## OPERATIONS OF THE STATE BANK OF VIETNAM

trên 11.000 đơn vị chấp nhận thẻ so với 8.100 đơn vị năm 2004.

Dịch vụ gia tăng đi kèm với phương tiện thanh toán thẻ tăng lên không ngừng và đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Phương tiện thẻ không chỉ đơn thuần dùng để rút tiền mặt mà đã mang lại cho người sử dụng nhiều tiện ích khác như dịch vụ vắn tin số dư, in sao kê tài khoản, chuyển khoản sang một hoặc nhiều tài khoản khác, mua hàng hoá và dịch vụ tại các đơn vị chấp nhận thẻ, trả phí định kỳ đối với các khoản thanh toán thường xuyên,... Ngoài ra, một số ngân hàng còn có các chương trình khuyến mại đặc biệt như miễn phí phát hành thẻ, phát hành thẻ dự thưởng,... nhằm phát triển dịch vụ thẻ, tạo dựng được các thương hiệu về dịch vụ thẻ nổi bật trên thị trường.

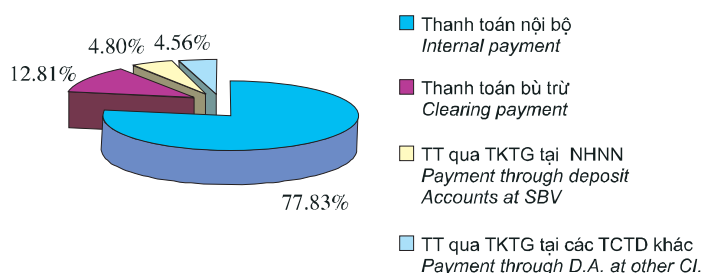
Các NHTM đã thực hiện hợp tác, xây dựng đối tác chiến lược nhằm hỗ trợ phát triển dịch vụ thẻ và góp phần giảm chi phí trang bị hệ thống cơ sở hạ tầng. Hiện có 4 liên minh thẻ: Liên minh thẻ của ngân hàng Ngoại thương và 17 NHTMCP; Công ty cổ phần chuyển mạch tài chính quốc gia (Banknet VN); Liên minh thẻ NHTMCP Đông á, NHTMCP Sài Gòn Công thương và NHPT nhà ĐBSCL; Liên minh thẻ NHTMCP Sài Gòn Thương tín và ANZ. Ngân hàng Nhà nước đang xem xét và đặt kế hoạch thống nhất các liên minh thành một trung tâm chuyển mạch chung vào năm 2007.

### Dịch vụ thanh toán điện tử

Các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đã đạt được một số kết quả nhất định trong việc triển khai các dịch vụ thanh toán điện tử, với sự phổ biến trong việc ứng dụng công nghệ trong các hoạt động của nền kinh tế, như vắn tin số dư, thanh toán hàng hoá, dịch vụ qua Internet,... Các dịch vụ thanh toán điện tử được đánh giá là kênh giao dịch hiện đại và đã thay đổi cách thức giao dịch truyền thống giữa ngân hàng và khách hàng. Chức năng thanh toán trên kênh dịch vụ này cho phép khách hàng thực hiện thanh toán mà không cần trực tiếp đến ngân hàng. Các ngân hàng cũng thể hiện xu thế hướng tới các khách hàng nhỏ có tiềm năng mà trước đây chưa chú trọng tới bằng việc phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác thanh toán cho khách hàng, đa dạng hoá các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại, đặc biệt là các dịch vụ ngân hàng bán lẻ với những ứng dụng công nghệ tin học tiên tiến, tăng cường công tác tiếp thị.

### TỶ TRỌNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN QUA CÁC KÊNH THANH TOÁN

Percentiles of transactions through different payment channels



special promotion campaigns such as fee-free cards issuing, issuing lottery cards,... in order to develop card services and establish brand names of prominent cards in the market.

Commercial banks have cooperated with each other to formulate strategic partnership to assist card development and reduce costs for the infrastructure system. As of now, there are 4 card alliances: card alliance between VIETCOMBANK and 17 joint-stock commercial banks; the National Switching Joint-Stock Company (BANKNET VN); card alliance between East Asia Joint-Stock Commercial Bank, Saigon Bank and the Mekong Housing Bank; and card alliance between Sacombank and ANZ. SBV is considering the consolidation of these alliances into a common switching center by 2007.

### \* Electronic payment services:

Payment service providers have obtained certain outcomes in electronic payment services, thanks to the popularity of technological applications in economic activities such as balance enquiries, payments through the Internet, etc. Electronic payment services are considered as modern payment channels and have changed the traditional interactions between banks and customers. Payments through these kinds of service channels allow customers to perform payments without visiting banks. Banks also direct their services to small and potential customers, to whom they did not properly pay attention, by developing payment infrastructures, diversifying modern banking products, especially retail banking products with the application of advanced information technology and improvement of marketing...



## HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

### HOẠT ĐỘNG THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG

Công tác đổi mới hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng đang đặt ra hết sức bức xúc và cũng là nhiệm vụ vô cùng nặng nề. Hơn nữa, đây được xem là đột phá trong toàn bộ tiến trình xây dựng một ngân hàng trung ương hiện đại. Sự thay đổi hoạt động ngân hàng bắt đầu từ năm 1990 đã tạo đà phát triển cho thanh tra Ngân hàng. Đây là thời kỳ đánh dấu bước ngoặt trong tiến trình đổi mới của ngành Ngân hàng nói chung và thanh tra Ngân hàng nói riêng được thể hiện thông qua việc Hội đồng Nhà nước công bố hai Pháp lệnh Ngân hàng.

Đặc biệt sau khi hai Luật Ngân hàng được Quốc hội khóa X thông qua tháng 12/1997, vị thế của thanh tra Ngân hàng càng được khẳng định và xác lập ở tầm pháp lý cao hơn. Theo đó, thanh tra Ngân hàng được xác định là tổ chức thanh tra Nhà nước chuyên ngành về ngân hàng, với mục tiêu hoạt động là bảo đảm an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền; phục vụ việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Cùng với quá trình đổi mới hoạt động của Ngành, trong những năm qua, nhất là năm 2005, thanh tra Ngân hàng đã vận hành phương pháp thanh tra mới là giám sát từ xa và thanh tra tại chỗ (khác với cách thức thanh tra theo vụ việc trước đây); hoạt động thanh tra được thực hiện cả về bề rộng, lẫn chiều sâu đối với hội sở và các chi nhánh TCTD trong toàn quốc. Hàng năm, đã tiến hành hàng trăm cuộc thanh tra trên diện rộng và thanh tra chuyên đề tại các TCTD về công tác nguồn vốn, sử dụng vốn, kết quả kinh doanh và quản trị, điều hành, kiểm tra, kiểm toán nội bộ. Nhiều sai phạm của TCTD bước đầu được phát hiện, từng bước đưa hoạt động kinh doanh của TCTD đi dần vào nền nếp. Việc chấn chỉnh các TCTD cổ phần trong những năm gần đây đã có những đóng góp quan trọng của thanh tra Ngân hàng trong việc duy trì ổn định hệ thống Ngân hàng ở nước ta trong thời gian qua. Hoạt động thanh tra cũng đã góp phần chỉ ra được những điểm chưa phù hợp cần sửa đổi, bổ sung của cơ chế, chính sách tạo hành lang pháp lý cho các TCTD hoạt động an toàn và hiệu quả. Qua hoạt động thanh tra, giám sát đã bước đầu nâng cao được ý thức trách nhiệm, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả hoạt động kinh doanh của chính

### BANKING INSPECTORATE AND SUPERVISION ACTIVITIES

Renovation of banking inspection activities has been an urgent issue and a heavy duty. Furthermore, it is considered as a breakthrough of the whole process for building a modern central bank. Renovation of banking activities since 1990 has initiated a momentum for Banking Inspectorate development. This period marked a turning point of the renovation process of the Banking sector, in general, and the Banking Inspectorate, in particular. As an outcome, the two banking ordinances were promulgated by the State Council.

Especially following the passage of the two banking laws approved by the tenth session of the National Assembly in December 1997, the position of the Banking Inspectorate has been affirmed and promoted to a higher legal status. The Banking Inspectorate has been defined as a State inspectorate agency specializing in banking operations, with the aim of securing safety of the whole credit organizations' system, protecting the legitimate interests of the depositors, and implementing the national monetary policies.

Going along with renovation process of the Banking sector, over the past years, especially in 2005, the Banking Inspectorate has conducted new supervision methods, namely off-site supervision and on-site inspection (instead of the case by case method used previously). The supervision activities have been widened and deepened to cover head offices and branches of credit institutions nationwide. Annually, hundreds of wide-scaled inspections and specialized inspections have been conducted at credit institutions on capital mobilization, capital utilization, business outcome and governance, and internal audit and control. A lot of errors of credit institutions have been discovered. As a result, performance has been improved. In recent years, by consolidating joint stock credit institutions, the Banking Inspectorate has contributed significantly to maintaining stability of the Banking system. The banking inspection has also helped to figure out inappropriate issues, which should be revised in term of regulations and policies aimed at - creating a legal framework for safe and efficient performance of credit institutions. Strengthened banking inspection has increased the sense of responsibility, accountability and autonomy for their own





## OPERATIONS OF THE STATE BANK OF VIETNAM

OPERATIONS OF THE STATE BANK OF VIETNAM

HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

TCTD, giúp TCTD đi dần vào hoạt động ổn định, an toàn, lành mạnh. Hiện nay Thanh tra Ngân hàng Việt Nam đang áp dụng theo 25 nguyên tắc về giám sát ngân hàng của Ủy ban Basel 1 và đang tiếp tục hoàn thiện để thực sự đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của các nguyên tắc đó.

Mặc dù đã đạt được những thành tích như trên, song đối mặt với những yêu cầu của việc xây dựng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành một Ngân hàng Trung ương hiện đại, sự phát triển nhanh chóng cả về bề rộng lẫn chiều sâu của hoạt động Ngân hàng nói chung, của các tổ chức tín dụng nói riêng, tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế của toàn hệ thống, công tác thanh tra, giám sát ngân hàng đã bộc lộ nhiều bất cập, đòi hỏi phải đổi mới triệt để và toàn diện trên cả ba phương diện cơ bản: cơ chế hoạt động; phương thức hoạt động và mô hình tổ chức.

### HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

**Hoạt động đối ngoại không ngừng được nâng cao - chủ động hội nhập kinh tế quốc tế**

Năm 2005, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò là cơ quan đại diện của Chính phủ Việt Nam tại các tổ chức tài chính tiền tệ như IMF/WB/ADB, MIB-MBES và cơ quan đầu mối trong quan hệ song phương với Chính phủ, NHTW các nước và các tổ chức đa phương. Ngân hàng Nhà nước đã phối hợp với các bộ, ngành hữu quan thúc đẩy và tăng cường mối quan hệ với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế, các đối tác song phương và đa phương. Ngân hàng Nhà nước đã tích cực tham gia, vận động và thu hút được nguồn vốn ưu đãi đáng kể phục vụ cho công cuộc cải cách và phát triển kinh tế của đất nước, tạo điều kiện cho Việt Nam sớm gia nhập WTO và ngày càng hội nhập sâu rộng hơn nền kinh tế khu vực thế giới.

Trong năm 2005, Ngân hàng Nhà nước đã ký kết thành công 11 chương trình và dự án trị giá trên 700 triệu USD với WB/ADB, nâng tổng số khoản vay đã ký kết với 2 tổ chức này lên 105 dự án, chương trình với tổng giá trị trên 8,5 tỷ USD. Đặc biệt, NHNN đã điều phối thực hiện thành công cam kết trong chương trình Tín dụng hỗ trợ giảm nghèo III (PRSC III) của WB và chủ trì đàm phán thành công nhiều chương trình, dự án với 2 tổ chức như chương trình PRSC IV trị giá 100 triệu

*business outcomes, which helped credit institutions to operate stably and soundly. Presently, the Vietnam Banking Inspectorate has been applying 25 principles of Basel 1 on banking supervision and improving itself to meet all requirements of those principles.*

*In spite of the above mentioned achievements, in the face of the demand of making the State Bank of Vietnam a modern Central Bank; the fast extensive and intensive development of the banking operations, in general, and credit institutions, in particular; and in the regional and international integration process of the whole banking sector, the banking inspection has unveiled many weaknesses, which required comprehensive and through reform measures in such three fundamental dimensions as operational mechanism, methodology and organizational structure.*

### INTERNATIONAL COOPERATION ACTIVITIES

**International cooperation activities have increasingly been enhanced - Active international integration.**

*In 2005, SBV continued to play an active role as the representative of the Vietnamese Government at international financial institutions such as IMF/WB/ADB, MIB-MBES, and coordinator in bilateral relations with other governments, foreign central banks and other multilateral organizations. SBV coordinated closely with relevant ministries and agencies to promote ties with international financial institutions, bilateral and multilateral organizations. SBV actively participated in attracting and mobilizing a considerable amount of preferential funds to serve the renovation and economic development of the country, hence speeding up the accession of Vietnam into WTO as well as furthering integration into the international and regional economy.*

*In 2005, SBV successfully signed 11 programs and projects worth around US 700 million with WB/ADB, bringing the total number of projects and programs financed by these two institutions up to 105 with a total value of USD 8.5 billion. Especially, SBV successfully coordinated to complete Vietnam's commitments in Poverty Reduction Support Credit III (PRSC III) financed by WB and successfully chaired negotiations on several programs and projects with these two*



## HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

USD của WB cùng với khoảng 70 triệu USD từ các khoản đồng tài trợ, dự án Hiện đại hóa Ngân hàng và Hệ thống thanh toán giai đoạn II của WB trị giá 105 triệu USD, khoản vay Hỗ trợ thực hiện giảm nghèo II trị giá 15 triệu USD của ADB. Đồng thời, rất nhiều hiệp định hợp tác song phương về lĩnh vực ngân hàng đã được ký kết thành công với chính phủ, NHTW, các tổ chức song phương các nước trong khu vực Đông Nam Á, Đông Tây Âu và Bắc Mỹ như Hiệp định thanh toán với Ngân hàng Quốc gia Cam-pu-chia, xây dựng dự thảo phụ lục hiệp định khung về kết nối kinh tế Việt Nam - Xing-ga-po. Tham gia xây dựng kế hoạch triển khai Đề án tổng thể quan hệ Việt Nam-EU và Chương trình hành động của Chính phủ về Phát triển quan hệ Việt Nam-EU đến năm 2010 và định hướng 2015... NHNN cũng tích cực tham gia các hoạt động nhằm thúc đẩy và triển khai quan hệ hợp tác ngân hàng tài chính với các tổ chức đa phương như ASEAN, ASEAN+3, APEC và ASEM.

Bên cạnh việc vận động và thu hút nguồn vốn vay ưu đãi, NHNN đã không ngừng đẩy mạnh việc khai thác hỗ trợ kỹ thuật và trong năm 2005, NHNN đã ký kết 37 khoản hỗ trợ kỹ thuật nhằm tăng cường năng lực và hội nhập kinh tế quốc tế cho hệ thống ngân hàng. NHNN cũng tranh thủ sự hỗ trợ của IMF về tư vấn chính sách kinh tế vĩ mô và tư vấn kỹ thuật cho các lĩnh vực như tiền tệ, ngoại hối, thị trường mở, thanh tra ngân hàng, chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố, hội nhập kinh tế quốc tế và ngân hàng..., cũng như thu hút được rất nhiều chương trình hợp tác về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho NHNN với các tổ chức song phương và đa phương.

Tiếp tục các nỗ lực nhằm thúc đẩy nhanh tiến trình hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới, trong khuôn khổ đàm phán gia nhập WTO, NHNN đã chủ động triển khai các công việc phục vụ việc gia nhập WTO, trong đó có một thành tựu đáng ghi nhận là những nỗ lực nhằm tiến tới xóa bỏ các hạn chế về giao dịch thanh toán vãng lai. Kết quả của nỗ lực này là việc IMF chính thức công nhận Việt Nam chấp thuận các nghĩa vụ tự do hóa tài khoản vãng lai được quy định tại Điều VIII, Điều lệ Quỹ tiền tệ Quốc tế, đây là một điều kiện thuận lợi cho việc Việt Nam gia nhập WTO. Đồng thời, trong năm 2005, NHNN tiếp tục tham gia vào quá trình đàm phán song phương và đa phương về lĩnh vực ngân hàng với 21 nước thành viên (trong tổng số 28 nước thành viên), trong đó có đối tác lớn như Hoa Kỳ.

organizations, namely PRSC IV valued at USD 100 million with WB, with a co-financed amount of USD 70 million, Stage II of the Bank and Settlement System Modernization Project with WB valued at USD 105 million, and Poverty Reduction Support Loan valued at USD 15 million from ADB. Numerous bilateral banking cooperation projects were also signed by SBV with other governments, central banks, and bilateral organizations in South East Asia, Eastern Europe and Western Europe such as the Settlement Agreement with the National Bank of Cambodia, and the appendix draft to the Framework Agreement on Economic Cooperation between Vietnam and Singapore. SBV also participated in preparing the plan for implementing the project on Vietnam - EU overall cooperative relationship development and the Action Plan of the Government on Vietnam - EU Relationship Development by 2010 and the direction until 2015. SBV also participated in promoting and facilitating banking and financial cooperative relations with multilateral organizations and forums such as ASEAN, ASEAN + 3, APEC and ASEM.

Besides attracting and mobilizing concessional loans, SBV continued to exploit various forms of technical assistance (TA). It signed 37 TA projects for capacity building and international integration of the banking system. SBV made full use of technical assistance concerning macroeconomic policies, monetary issues, foreign exchange, open market operations, bank supervision, anti-money laundering, anti-financing for terrorism, and international economic and banking integration from IMF. Various cooperative training and human resource development programs were also explored by SBV from bilateral and multilateral organizations.

Continuing its efforts to accelerate regional and international economic integration within the framework of WTO negotiations, SBV has been active in preparing for WTO accession. A remarkable move was its effort to abolish limitations on current account transactions. This resulted in IMF's recognition that Vietnam fulfilled the current account liberalization obligations regulated in Article VIII of its Article of Agreement. This recognition paves the way for Vietnam's WTO accession. In 2005, SBV also continued to participate in bilateral and multilateral negotiations in banking with WTO's 21 member countries (among its 28 official members), including the United States as one of the major partners.



## OPERATIONS OF THE STATE BANK OF VIETNAM

### HOẠT ĐỘNG KHÁC

**Đẩy mạnh tiến trình tái cơ cấu các NHTM nhằm nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh của hệ thống ngân hàng**

\* Đến nay, về cơ bản các NHTM nhà nước đã hoàn thành việc xử lý nợ tồn đọng có dư nợ đến thời điểm ngày 31/12/2000 và đã được Nhà nước cấp bổ sung vốn điều lệ.

\* Trên cơ sở tham khảo thông lệ quốc tế về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro; về an toàn vốn; Ngân hàng Nhà nước đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng; về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

\* Ngân hàng Nhà nước đã chỉ đạo các ngân hàng thương mại nhà nước xây dựng Phương án cấp bổ sung vốn điều lệ và thực hiện giải pháp cổ phần hoá; các ngân hàng thương mại xây dựng Phương án xử lý nợ xấu phân loại nợ theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN.

\* Cổ phần hoá NHTM nhà nước: Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Nhà ĐBSCL thuộc danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá, trong đó, Nhà nước nắm giữ cổ phần thấp nhất là 51%. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định cổ phần hoá Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Nhà ĐBSCL. Theo kế hoạch dự kiến, hai ngân hàng này sẽ hoàn thành cổ phần hoá trong năm 2006, đầu năm 2007. Hiện tại các ngân hàng này đang xúc tiến khâu kiểm kê tài sản và xử lý tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp, đồng thời thuê tư vấn quốc tế để tư vấn cổ phần hoá.

**Thực hiện có hiệu quả chủ trương phát hành tiền polymer và tiền kim loại vào lưu thông - chủ động triển khai các giải pháp nhằm ngăn ngừa và phòng chống tiền giả, nâng cao chất lượng đồng tiền Việt Nam.**

Trong năm 2005, tiếp tục thực hiện chủ trương tăng cường đưa tiền polymer vào lưu thông và thu hồi dần các đồng tiền cotton hiện đang bị làm giả nhiều, Ngân hàng Nhà nước đã tập trung tăng cường đưa thêm loại tiền polymer 100.000đ và 50.000đ vào lưu thông. Đồng thời, chỉ đạo các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố, các tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước tiếp tục thực hiện việc tạm dừng chi tiền giấy cotton 50.000đ và

### OTHER ACTIVITIES

**Accelerating the process of restructuring commercial banks to enhance the financial capacity and competitiveness of the banking system**

\* As of now, SOCBs' total debt out-standing incurred up to 31/12/2000 have been basically settled and they have been recapitalized by the state budget.

\* On the basis of international practices on debt classification, risk provisioning, capital adequacy, the State Bank of Vietnam has issued legal documents on loan classification, making and using of provisions to settle credit risks in banking operations of credit institutions; and on prudential ratios applied to credit institutions.

\* The State Bank of Vietnam has directed SOCBs to formulate the recapitalized plan and solutions for equitization and directed all commercial banks to formulate the Plan for NPLs resolution and loan classifications in accordance with Decision No. 493/2005/QĐ-NHNN.

\* Equitization of SOCBs: The Bank for Foreign Trade of Vietnam (VIETCOMBANK) and the Mekong Housing Bank (MHB) have been listed among those SOEs to be equitized, in which the State holds at least 51% of the equity. The Prime Minister has issued decisions to equitize VIETCOMBANK AND MHB. As planned, the two banks will be equitized in 2006 or early 2007. As of now, these banks are under the process of asset revaluation and financial settlement before valuing their assets, as well as hiring international consultants on equitization.

**Successfully issue polymer banknotes and metal coins into circulation - actively find out solutions to prevent and reduce money counterfeiting, and increase the quality of the Vietnamese currency.**

In 2005, SBV continued to issue polymer banknotes into circulation and withdraw cotton ones to combat counterfeiting, the State Bank of Vietnam further issued the VND 100,000 and VND 50,000 denominated polymer banknotes into circulation. At the same time, the SBV head-quarter directed the SBV branches, credit institu-





## HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

100.000đ ra lưu thông. Đến 31/12/2005, số lượng tiền cotton 50.000đ chỉ còn khoảng 1,36% trong lưu thông, loại 100.000đ còn 4,02%. Đến nay, chủ trương đưa tiền mới vào lưu thông, thu hồi dần các loại tiền cũ bị làm giả nhiều về cơ bản đã đảm bảo được mục tiêu mà Ngân hàng Nhà nước đã đề ra. Đối với tiền kim loại, trong năm 2005, bằng các biện pháp chỉ đạo nghiệp vụ kịp thời như: tăng cường tuyên truyền giải thích trên các phương tiện thông tin đại chúng về tiện ích của việc sử dụng tiền kim loại để tạo sự đồng thuận trong xã hội; chỉ đạo các Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố, các tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi, đáp ứng kịp thời nhu cầu hợp lý về đổi tiền lẻ cho khách hàng; chỉ đạo các Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố thành lập quầy đổi tiền lẻ tại trụ sở Chi nhánh để đổi tiền lẻ cho nhân dân trong dịp Tết Nguyên Đán 2006. Đồng thời, các Chi nhánh có hình thức thông tin rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương để nhân dân nắm bắt được nội dung chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước. Các biện pháp trên đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc lưu thông tiền kim loại, đến nay, người dân đã sử dụng tiền kim loại rộng rãi trong các giao dịch mua bán hàng ngày. Số lượng tiền kim loại phát hành vào lưu thông năm 2005 ước tính gấp khoảng 3 lần so với năm 2004.

Mặt khác, hệ thống ngân hàng, Kho bạc Nhà nước đã thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ trong công tác phòng chống tiền giả (như phát hành các mẫu tiền mới có khả năng chống giả cao hơn, tăng cường hướng dẫn nghiệp vụ trong hệ thống ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền để nhân dân hiểu biết hơn về đồng tiền do nhà nước phát hành, qua đó nâng cao khả năng nhận biết tiền giả cho nhân dân, tăng cường phối hợp với lực lượng công an trong đấu tranh phòng, chống tiền giả...), qua đó, góp phần từng bước hạn chế và đẩy lùi nạn tiền giả. Theo số lượng thống kê, số lượng tiền giả thu giữ qua hệ thống ngân hàng, Kho bạc Nhà nước trong năm 2005 giảm 24% so với năm 2004. Đây là một nỗ lực rất lớn của hệ thống ngân hàng và Kho bạc Nhà nước

**Công tác thống kê, thông tin báo cáo của NHNN từng bước được đổi mới phù hợp với thông lệ quốc tế và lộ trình hội nhập nhằm phục vụ điều hành chính sách tiền tệ của NHNN**

Theo yêu cầu đổi mới điều hành chính sách tiền tệ

tions, and the State Treasury to temporarily stop issuing the VNB 100,000 and VND 50,000 denominated cotton banknotes into circulation. As of 31/12/2005, the VND 50,000 denominated cotton banknotes made up only 1.36% of the total cash in circulation; the VND 100,000 denominated cotton banknotes made up only 4.02%. As of now, SBV's policy of issuing new banknotes into circulation and gradual withdrawal of old ones with a large amount of counterfeit notes has basically meet its set objectives. With regards to metal coins, in 2005, many timely actions were taken such as public information in the mass media on the convenience of metal coins to obtain the consensus in the society, directions to SBV branches, credit institutions, and the State Treasury to timely meet their customers' change demand, directions to the SBV branches to establish change counters at their premises to meet the people's change demand for the 2006 Lunar New Year. At the same time, SBV branches published information in the mass media for people to understand those directions by SBV. These solutions brought about significant developments in metal coin circulation. As of now, people have been using metal coins largely in their daily transactions. The amount of metal coins issued into circulation in 2005 was estimated to be 3 times larger than in 2004.

On the other hand, the banking and State Treasury systems realized a lot of solutions to counter counterfeiting (such as issuing new banknote models with higher anti-counterfeiting quality, further guiding in the banking for State Treasury and the banking systems, promoting public information for better understanding of the newly issued money, increasing the ability of people to detect counterfeited money, increasing the coordination with the police in the anti counterfeit fight, etc), which helps to gradually prevent and stop the money counterfeiting. According to statistics, the quantity of counterfeited money confiscated through the banking and State Treasury in 2005 reduced by 24% as compared with 2004. This is a great effort of the banking and State Treasury systems.

**Statistics and reporting by SBV have been renovated to be consistent with international practices and the integration roadmap to serve the implementation of SBV's monetary policy.**



## OPERATIONS OF THE STATE BANK OF VIETNAM

giai đoạn 2002 - 2005, cải tiến công tác thống kê là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của NHNN, của Chính phủ, từng bước tiến dần phù hợp với thông lệ quốc tế và lộ trình hội nhập quốc tế của Việt Nam. Ngày 28/4/2004, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 477/2004/QĐ-NHNN về việc ban hành Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị thuộc NHNN và các TCTD. Theo Quyết định này, kể từ ngày 1/1/2005, công tác thống kê của NHNN đã có bước thay đổi căn bản, dần thể hiện được tính ưu việt hơn các Chế độ báo cáo thống kê trước đây, đặc biệt là khả năng đáp ứng nhu cầu thông tin trong điều kiện hội nhập quốc tế và khu vực của của hệ thống ngân hàng.

Những thay đổi đó là: (1) loại bỏ sự trùng lặp thông tin khi yêu cầu các đơn vị báo cáo; (2) thuận tiện trong quá trình truyền, nhận và đặc biệt là cho người sử dụng trong việc khai thác thông tin, tạo lập yêu cầu báo cáo theo nhu cầu của người sử dụng; (3) việc sửa đổi, bổ sung yêu cầu báo cáo sẽ thuận tiện hơn cho người tạo lập chương trình phần mềm tin học; (4) hướng dẫn lập chỉ tiêu, mẫu biểu báo cáo thống kê không còn phụ thuộc vào hệ thống tài khoản kế toán như trước đây, thay vào đó là việc đưa ra các khái niệm, cách hiểu thống nhất áp dụng cho các đơn vị báo cáo; (5) đáp ứng được yêu cầu xây dựng kho dữ liệu tập trung của NHNN.

*As required in the reform of the management of the monetary policy for 2002-2005, reform in statistics was one of the priorities to provide necessary information to SBV and the Government in their management to gradually move towards international practices and the integration roadmap of Vietnam. On 28/4/2004, the SBV Governor signed Decision No. 477/2004/QĐ-NHNN to issue Reporting and Statistics Regulations applied to SBV entities and credit institutions. According to this Decision, since 1/1/2005, statistics by SBV have basically changed, reflecting advantages over the previous reporting regulations, especially the ability to supply information in the context of international and regional integration of the banking system.*

*These changes are (1) removing the duplication of information in reporting; (2) convenience in communication, especially for information users, and reports are made as per user's request; (3) change of the report format to be easier for soft-ware programmers; (4) guiding to set up checklists and reporting formats not to depend on the system of accounts as previously but producing consistent concepts and understandings to reporting units; (5) and meeting SBV's demand to establish a centralized database.*

### CƠ CẤU MỆNH GIÁ TIỀN TRONG LƯU THÔNG NĂM 2005 (%)

| Mệnh giá | Năm   |
|----------|-------|
| 500.000đ | 32,49 |
| 100.000đ | 33,61 |
| 50.000đ  | 27,13 |
| 20.000đ  | 2,89  |
| 10.000đ  | 1,97  |
| 5.000đ   | 0,73  |
| 2.000đ   | 0,58  |
| 1.000đ   | 0,30  |
| 500đ     | 0,22  |
| 200đ     | 0,07  |
| 100đ     | 0,01  |

### DENOMINATION STRUCTURES OF BANKNOTES AND COINS IN CIRCULATION IN 2005 (%)

| Denominations | %     |
|---------------|-------|
| VND 500,000   | 32,49 |
| VND 100,000   | 33,61 |
| VND 50,000    | 27,13 |
| VND 20,000    | 2,89  |
| VND 10,000    | 1,97  |
| VND 5,000     | 0,73  |
| VND 2,000     | 0,58  |
| VND 1,000     | 0,30  |
| VND 500       | 0,22  |
| VND 200       | 0,07  |
| VND 100       | 0,01  |



## HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

### Hộp 3:

### HỆ THỐNG THANH TOÁN LIÊN NGÂN HÀNG CỦA NHNN

#### 1. Hệ thống thanh toán bù trừ (TTBT):

Đây là hệ thống chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các hệ thống thanh toán liên ngân hàng và góp phần đáng kể trong việc đẩy nhanh tốc độ thanh toán trên địa bàn các tỉnh, thành phố, tiết kiệm vốn trong thanh toán. Từ năm 2002, hệ thống TTBT của NHNN đã có chuyển biến tích cực trong việc cải tiến phương thức xử lý thanh toán đó là triển khai TTBT điện tử thay thế phương thức xử lý thủ công. Năm 2005 đã có thêm 7 chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố triển khai thành công TTBT điện tử, đạt mức 33/64 chi nhánh đã triển khai TTBT điện tử.

#### 2. Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH):

Hệ thống xây dựng theo tiểu Dự án nằm trong Dự án Hiện đại hoá ngân hàng và hệ thống thanh toán do Ngân hàng Thế giới tài trợ. Hệ thống TTĐTLNH là một hệ thống thanh toán hiện đại, xây dựng trên nền tảng kỹ thuật công nghệ tiên tiến theo chuẩn mực quốc tế. Hệ thống bao gồm: 01 Trung tâm thanh toán quốc gia (NPSC) đặt tại Cục Công nghệ tin học ngân hàng, 01 trung tâm dự phòng (NPSC dự phòng) đặt tại Sơn Tây và 06 trung tâm thanh toán cấp tỉnh (PPC) tại chi nhánh NHNN TP Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ và Sở giao dịch NHNN. Hệ thống TTĐTLNH đã chính thức đi vào vận hành từ 02/5/2002 và đến nay đã kết nạp 55 ngân hàng thành viên (trong đó có 06 đơn vị NHNN và 49 NHTM) với 232 chi nhánh.

Mục tiêu chính của hệ thống TTĐTLNH là kiểm soát tức thời nguồn vốn dự trữ thông qua sổ dư tài khoản tập trung; Giảm thiểu vốn trôi nổi trong thanh toán, tăng tốc độ chu chuyển vốn và hiệu quả trong thanh toán; Nâng cao tính thuận lợi và khả năng phục vụ khách hàng; Thiết lập hệ thống quyết toán và bù trừ có độ tin cậy, an toàn và có khả năng thực hiện các khoản thanh toán từ các hệ thống thanh toán khác nhằm đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế đang chuyển đổi và tăng trưởng; Cải tiến và tăng cường công tác kế toán, các thủ tục kiểm soát nội bộ NHNN và các NHTM, hỗ trợ cho việc chuyển sang môi trường thanh toán hiện đại; Góp phần cải tiến nâng cao chất lượng điều hành chính sách tiền tệ của NHNN trên cơ sở cung cấp thông tin kịp thời, chính xác các luồng chu chuyển vốn, các sổ dư tài khoản và quyết toán tức thời các giao dịch vốn trên thị trường tiền tệ; Tạo khả năng mở rộng các dịch vụ ngân hàng hiện đại trong tương lai. Hệ thống TTĐTLNH có các giao diện tự động với các hệ thống khác như mạng thanh toán quốc tế SWIFT, hệ thống xử lý chuyển mạch ATM, hệ thống quyết toán và bù trừ chứng khoán, hệ thống chuyển tiền điện tử của NHNN,... Đây là một hệ thống có tầm quan trọng để hiện đại hoá ngân hàng Việt Nam.

Hệ thống TTĐTLNH là một bước cải tiến về công nghệ thanh toán cũng như phương thức thanh toán đối với nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng. Để tiếp tục hoàn thiện và mở rộng phạm vi hoạt động của hệ thống, hiện nay Ngân hàng Nhà nước và các NHTM đang tập trung nỗ lực triển khai thực hiện giai đoạn II của Dự án Hiện đại hoá ngân hàng và hệ thống thanh toán. Trong đó, Hệ thống TTĐTLNH vẫn là hệ thống có tầm quan trọng và được ưu tiên thực hiện cao nhất.

### Hộp 4:

### HỆ THỐNG THANH TOÁN CỦA CÁC NHTM

Theo lộ trình triển khai thực hiện Dự án hiện đại hoá ngân hàng và hệ thống thanh toán, các hệ thống thanh toán nội bộ của các ngân hàng tham gia Dự án tiếp tục cải thiện. Phạm vi thực hiện dự án tiếp tục được mở rộng thêm nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước.

Năm 2005, tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam, việc thanh toán tập trung bước đầu được thực hiện cho các chi nhánh của hai ngân hàng này đóng trụ sở tại 05 tỉnh, thành phố: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng và Cần Thơ. Các lệnh thanh toán được xử lý trong nội bộ hệ thống của những ngân hàng này trước khi thực hiện quyết toán tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước. Đây là nền tảng ban đầu cho việc triển khai tập trung hoá tài khoản quyết toán rộng rãi trên toàn quốc đối với tất cả các ngân hàng thương mại.



## OPERATIONS OF THE STATE BANK OF VIETNAM

### Box 3:

#### THE INTER-BANK PAYMENT SYSTEM (IPS) OF THE STATE BANK OF VIETNAM

##### 1. Clearing System (CS):

The system takes up the biggest part in the inter-bank payment systems and significantly contributes to the speeding up of payment velocity in cities and provinces, saving costs of payment. Since 2002, the CS of the SBV has enjoyed a major improvement, which is the replacement of manual clearing with electronic clearing. In 2005, there were another 7 SBV branches who apply electronic clearing, reaching the number of 33 branches out of total 64 branches who apply electronic clearing.

##### 2. The Inter-bank Electronic Payment System (IPS):

The system has been set up as a sub-project under the Project of Banking Modernization and Payment System Modernization funded by the World Bank. The IPS is a modern payment system, set up on the basis of advanced technology in compliance with international standards. The system includes: 01 National Payment System Center (NPSC) located at the Banking IT Department of the SBV, 01 stand-by center (stand-by NPSC) located in Son Tay township and 06 Provincial Payment Centers (PPC) located in SBV branches in Hanoi, Haiphong, Danang, HCMC, Cantho and the Banking Operation Center of the SBV. The IPS was put into operation on 02/5/2002 and there have been 55 participating banks (of which there are 06 SBV organs and 49 commercial banks) with the total number of 232 branches.

Major objectives of the IPS are: to real-time oversight the total liquidity of the whole system through centralized accounts; to reduce excess liquidity for payment, to increase liquidity circulation velocity and the efficiency of payment; to increase the convenience and services to customers; to establish a settlement and clearing system of high reliability, safety and connectability to other systems in order to meet the demands of a developing and transforming economy; to improve accounting operations and internal control procedures of the SBV and commercial banks, to assist the transformation into a modern payment environment; to contribute to the improvement of SBV monetary policy implementation on the basis of timely and accurate information of liquidity circulation, account balances, and real-time settlement of capital transactions in the money market; to supply with modern banking services in the future. The IPS has interfaces with other systems such as: the SWIFT international payment system, the ATM switching system, the securities settlement and clearing system, the electronic fund transfer system of the SBV, etc. This is an important system to modernize the Vietnamese banking sector.

The IPS is one improvement step in the payment technology as well as payment means in the economy in general and in the banking sector in particular. In order to upgrade and expand the system, as of now, the SBV and commercial banks are implementing Phase II of the Banking and Payment System Modernization Project, in which the IPS is still the focal priority

### Box 4:

#### THE COMMERCIAL BANKS' SETTLEMENT SYSTEM

According to schedule of the Settlement System and Banking Modernization Project, internal settlement systems of banks participating in the Project have been improving. Scope of the Project has been widening over more provinces and cities nationwide.

In 2005, at BIDV and VBARD, centralizing settlement has been initially implemented at their branches in 05 provinces/cities: Hanoi, Hochiminh city, Danang, Haiphong and Cantho. Payment orders were processed in these banks' internal settlement systems before settling at the SBV's Operation Center. This is initial foundation for extension of centralizing settlement accounts nationwide for all commercial banks.



## HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

### Hộp 5:

#### HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC THANH TOÁN

Hành lang pháp lý liên quan đến lĩnh vực thanh toán tiếp tục được hoàn thiện. Năm 2005 một số văn bản pháp quy mới được ban hành, bao gồm:

- Luật Các công cụ chuyển nhượng được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005. Luật này ra đời tạo dựng được một hành lang pháp lý đầy đủ, rõ ràng điều chỉnh việc phát hành, chấp nhận, bảo lãnh, chuyển nhượng, cầm cố, nhờ thu, thanh toán, truy đòi, khởi kiện liên quan đến hối phiếu đòi nợ, hối phiếu nhận nợ, séc, công cụ chuyển nhượng khác. Việc ban hành Luật này nằm trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, nhằm bảo đảm cho các giao dịch của các chủ thể liên quan đến hối phiếu và séc phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Luật giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một bước tiến mới mang tính đột phá của Việt Nam trong ứng dụng công nghệ thông tin để phát triển kinh tế xã hội. Nó tạo nên một nền tảng hành lang pháp lý cho các nghiệp vụ, dịch vụ ngân hàng hiện đại, tạo điều kiện cho ngân hàng tham gia sâu rộng vào các hoạt động thương mại điện tử, cung cấp các dịch vụ thanh toán trực tuyến trên mạng trong phạm vi toàn xã hội.

### Hộp 6:

#### QUAN ĐIỂM ĐIỀU HÀNH CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

- Quán triệt và thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị tại Thông báo số 191 - TB/TW ngày 01/9/2005:

Tổ chức lại NHNN với cơ cấu và tính chất hoạt động như một Ngân hàng Trung ương hiện đại, hoạt động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với thông lệ quốc tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, nâng cao sức mua của đồng tiền Việt Nam, phục vụ tốt phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Gắn cải cách hệ thống ngân hàng với quá trình sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện việc điều hành thị trường tiền tệ bằng các công cụ gián tiếp.

- Thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội và ngân sách Nhà nước năm 2006: Tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng thận trọng, linh hoạt; điều hành khối lượng tiền cung ứng phù hợp với cung cầu vốn thị trường; thực hiện chính sách tỷ giá linh hoạt, nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế, khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu. Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan để phấn đấu giữ chỉ số tăng giá tiêu dùng năm 2006 thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế.

- Nghị quyết của Quốc hội (khoá XI, kỳ họp thứ 8 năm 2005) đã đề ra nhiệm vụ năm 2006 của ngành Ngân hàng là “Điều hành linh hoạt tỷ giá, kiểm soát lạm phát, giữ ổn định kinh tế vĩ mô; nâng cao độ an toàn của hệ thống ngân hàng và chất lượng tín dụng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu tăng trưởng bền vững; đa dạng hoá hoạt động dịch vụ và sức cạnh tranh của hệ thống ngân hàng; tăng tổng sản phẩm trong nước 8%; tốc độ tăng giá tiêu dùng thấp hơn tăng trưởng kinh tế”.



## OPERATIONS OF THE STATE BANK OF VIETNAM

OPERATIONS OF THE STATE BANK OF VIETNAM

HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

### Box 5:

#### PERFECTING REGULATIONS, POLICIES CONCERNING SETTLEMENT OPERATIONS

**Legal framework concerning settlement operations has been improving more and more. In 2005, some new legal documents have been issued, including:**

- Law on negotiable instruments approving by the National Assembly on 29 November 2005. This law created a clear and comprehensive legal framework on issuance, acceptance, guarantee, transferring, pledging, consigning, payment, debt recovery, petition concerning payment claims, cheques and other negotiable instruments. The promulgation of this law was under the routine of Vietnam's economic integration process, in order to ensure that transactions of entities relating to promissory notes and cheques are in line with the international practices.
- Law on electronic transactions No. 51/2005/QH11 dated 29 November 2005 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam was a breaking step of Vietnam in applying information technology for socio-economic development. It created a legal background for modern banking operations and services, facilitating commercial banks to participate widely in e-commercial transactions and providing online payment services to customers in the society as a whole.

### Box 6:

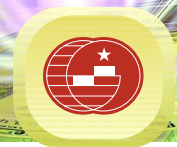
#### VIEWPOINTS ON MONETARY POLICY IMPLEMENTATION

**- To be fully aware and implement the Politburo's Conclusion at Statement No.191-TB/TW dated 01/9/2005:**

To reorganize the organizational structure and operational functions of SBV as a modern central bank which operates under socialism-oriented market mechanism and in accordance with international practice, contributing to macroeconomic stabilization, inflation containment and the enhancement of Vietnamese Dong purchasing power, and contributing remarkably to the country's socio-economic development thereby. To combine the renovation of the banking system with the process of reorganization, renewal and efficient improvement of state-owned enterprises' operations. To regulate monetary market by indirect instruments.

**- To implement the Government's Resolution on key measures to direct and conduct socio-economic plan and State Budget in 2006:** To further implement credit and monetary policy in a flexible and prudential manner; to regulate the quantity of money supply in line with capital supply-demand in the market; to carry out a flexible exchange rate policy to support economic development, to encourage exports and control imports. To closely cooperate with relating ministries and agencies to maintain a Consumer Price Index (CPI) lower than economic growth rate in 2006.

**The National Assembly's Resolution (at the XIth Legislation, the 8th Session in 2005) outlines the mission of Banking sector in 2006,** namely "flexible management of exchange rate, inflation control, macroeconomic stabilization; improvement of banking system safety and credit quality in order to better meet the demand for sustainable growth; diversification of services and competitiveness of banking system; a 8% increase in Gross Domestic Product; retaining the growth rate of consumer price index lower than that of economic growth".



# TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG NĂM 2006

## MACRO ECONOMIC AND BANKING PROSPECTS IN 2006

### TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ TOÀN CẦU VÀ KHU VỰC

Theo đánh giá của các nhà kinh tế và tổ chức tài chính quốc tế, tăng trưởng kinh tế thế giới dự kiến sẽ khả quan hơn trong năm 2006, ở mức 4,3%, trong đó dự kiến các nước công nghiệp phát triển tăng trưởng với tốc độ 2,7%, các nước đang phát triển là 6,1%, Mỹ là 3,3%, thấp hơn một chút so với tốc độ 3,5% của năm 2005, nhưng vẫn cao nhất trong nhóm các nước công nghiệp lớn G7. Kinh tế Nhật Bản sẽ vẫn tăng trưởng ở mức 2,0%, không đổi so với năm 2005. Năm 2006, các nước đang phát triển ở Trung Đông, Mỹ La -tinh, các nước thuộc Liên Xô cũ, nhìn chung sẽ tăng trưởng chậm hơn so với năm 2005. Ở Châu Á, kinh tế các nước Malaixia, Philipin, Thái Lan bắt đầu hồi phục từ cuối năm 2005 và sẽ tăng trưởng nhanh hơn nửa trong năm 2006. Tốc độ tăng trưởng của ba nước này tuy nhanh hơn so với năm 2005 nhưng vẫn chậm hơn so với năm 2004. Ấn Độ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước suốt từ năm 2003. Tốc độ tăng trưởng của Ấn Độ năm 2006 ước lên đến 5,8%. Tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc dự kiến sẽ giảm hơn so với năm 2005 do Chính phủ Trung Quốc sẽ kiểm chế tăng trưởng "nóng" bằng các biện pháp quyết liệt hơn. Tốc độ tăng trưởng của Ấn Độ cũng vẫn rất cao 6,3%, nhờ sự phát triển của khu vực dịch vụ (gồm cả lĩnh vực công nghệ thông tin).

Năm 2006, tình hình thiên tai dịch bệnh của thế giới sẽ giảm hơn so với năm 2005 khiến giá gạo, lương thực thực phẩm cũng sẽ ổn định, tuy nhiên sự biến động của giá dầu thô được dự báo là vẫn tiếp tục khó lường do tình hình bất ổn ở Trung Đông, căng thẳng ở Iran...Giá vàng trên thị trường thế giới dự báo tiếp tục ở mức cao do những yếu tố về phía cầu đang ngày càng mạnh lên. Đồng USD tiếp tục biến động phức tạp.



### GLOBAL AND REGIONAL MACRO-ECONOMIC PROSPECTS

According to assessments of economists and international financial institutions, the global economy will grow faster in 2006, at 4.3%, of which industrial countries are expected to grow at 2.7%, developing countries at 6.1% and the United States at 3.3% that is, though slightly lower than 3.5% in 2005, the highest record among the group of industrial nations (G7). The Japanese economy will remain growing at 2.0%, unchanged from 2005. In 2006, developing countries in the Middle East, Latin America, and the former Soviet Union countries will generally level down their economic growth from the level of 2005. In Asia, the Malaysian, the Philippine, and Thai economies, which started recovery in late 2005, will continue to grow faster in 2006. Their growth rates, though higher than in 2005, are still lower than in 2004. Indonesia will continue its progressive pace of economic growth from 2003. It is expected to grow by 5.8% in 2006. The economic growth rate of China is forecasted to slow down as compared to 2005 due to the Chinese Government's stronger policies to constrain "overheated" growth. India will also experience a very high growth rate of 6.3% thanks to the development of its service sector (including telecommunication).

Natural calamities and diseases in the world in 2006 will not be as serious as they were in 2005, the prices of rice, food and food stuff will



## MACROECONOMIC OUTLOOK AND BANKING ACTIVITIES IN 2006

Mặt bằng lãi suất quốc tế dự báo tăng nhẹ và FED dự kiến có thể sẽ tăng lãi suất lên mức 5-5,5% vào cuối năm 2006; ECB dự kiến tăng ít nhất 2 lần lên 2,75%/năm (2005: 1 lần tăng); lãi suất của NHTW Nhật Bản sẽ tăng lên mức 0,125%/năm chấm dứt 5 năm duy trì mức lãi suất 0%. Mặt bằng lãi suất quốc tế và trong khu vực gia tăng sẽ gây sức ép nhất định làm tăng lãi suất trong nước, lãi suất cho vay USD trong nước tăng, các doanh nghiệp sẽ chuyển dần một phần nhu cầu của mình sang vay VND.

### TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

#### Về tăng trưởng kinh tế

Kỳ họp thứ VIII, Quốc hội khóa XI đã thông qua các chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2006 như sau:

- \* Tốc độ tăng trưởng GDP đạt 8%;
- \* Giá trị tăng thêm của ngành nông - lâm - thủy sản tăng 3,8%; ngành công nghiệp xây dựng tăng 10,2%; ngành dịch vụ tăng 8%;
- \* Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 16,4%
- \* Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm 38,6% GDP;
- \* Tốc độ tăng giá tiêu dùng thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế;
- \* Tạo việc làm cho khoảng 1,6 triệu lao động; trong đó, xuất khẩu lao động và chuyên gia đạt 750 nghìn người;
- \* Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 20% (theo chuẩn mới).

Năm 2006 có vai trò quan trọng trong việc tạo đà cho việc thực hiện thành công kế hoạch Phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2006-2010, với chủ trương phát triển kinh tế tăng trưởng nhanh, vững. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường. Coi trọng phát triển con người, mở rộng dân chủ. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế... Trong đó Quốc hội đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp nhằm chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế năm 2006: Nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế, phấn đấu tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) cao hơn 8%.

- Phát huy tốt nhất tiềm năng kinh tế dân

*therefore be more stable. However, crude oil price will be volatile unexpectedly due to unrest in the Middle East and tension in Iran. Gold price in the world market is expected to continue its upswing due to increasing demand factors. The US dollar will observe complicated movements.*

*It is expected that the level of international interest rates will experience a slight rise and FED will increase its interest rate to 5-5.5% p.a by the end of 2006. The European Central Bank may lift its interest rate twice up to 2.75% per annum (its interest rate was lifted up once in 2005). The bank of Japan's interest rate will grow to 0.125% per year, ending five-consecutive-year period of zero interest rate. Regional and international rising interest rates will more or less impose some pressure on domestic interest rates. Higher domestic lending rate in USD will encourage enterprises to transfer part of their borrowings in USD into VND.*

### VIETNAM'S MACROECONOMIC PROSPECTS

#### Economic growth

*The Eighth Session of the Eleventh National Assembly approved major socio-economic indicators to be achieved in the Socio-Economic Development Plan of 2006 as follows:*

- \* GDP growth rate of 8%;
- \* Agriculture, forestry and fishery to grow by 3.8%, industry and construction by 10.2%; and service by 8%;
- \* Export value to increase by 16.4%;
- \* Total investment funds for social development to account for 38.6% of GDP;
- \* Consumer price index to grow at a lower rate than economic growth rate;
- \* 1.6 million jobs to be created; including 750 thousand guest workers and experts;
- \* Poor households to be reduced to 20% (according to new poverty line).

*The year 2006 is an important year in motivating successful implementation of the five-year Socio-Economic Development Program 2006-2010. The overall directions are robust and sustainable economic development; vigorous changes in the quality, effectiveness and competitiveness of the economy; reasonable combination of economic development, cultural and*



## TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG NĂM 2006



doanh, các nguồn đầu tư nước ngoài;

- Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, nhanh chóng xóa bỏ độc quyền, xóa bỏ sự phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế.
- Rà soát để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện đồng bộ hệ thống chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Áp dụng các biện pháp kiên quyết khắc phục tình trạng dàn trải, thất thoát, lãng phí, tham nhũng trong đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn nhà nước, xử lý nợ tồn đọng trong xây dựng cơ bản theo Nghị quyết của Quốc hội.
- Tăng cường các nguồn lực đầu tư đồng bộ có hiệu quả cho vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long.
- Bảo đảm việc sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước theo đề án được duyệt;
- Chỉ đạo và sơ kết kịp thời việc thí điểm thành lập các tập đoàn kinh tế mạnh.
- Phát triển mạnh hơn, đồng bộ hơn các loại thị trường, nhất là thị trường bất động sản, thị trường tài chính; thị trường công nghệ; mở rộng thị trường trong nước và ngoài nước.
- Tích cực thực hiện lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh đàm phán để gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO).
- Tiếp tục cải cách tài chính nhà nước và hoàn thiện hệ thống thuế theo yêu cầu phát triển đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế.
- Hiện đại hóa công tác quản lý thu, chi ngân

social development, and environment protection and improvement; significant attention to human development and promotion of democracy; and active international integration. The National Assembly also has worked out a number of tasks and solutions to implement the Socio-Economic Development Plan of 2006 as follows:

- To improve the quality of economic development with effort to achieve GDP growth rate of over 8%;
- To make best use of the potential of non-state businesses and foreign investments;
- To create a sound and competitive environment by eliminating monopoly and discrimination among different economic sectors;
- To review the system of agriculture and rural business supporting policies for revision;
- To adopt decisive solutions to address the problems of scattering, looses, waste, and corruption in the usage of state budget funds for capital construction; and to resolve NPLs related to capital construction in line with the Resolution of the National Assembly;
- To enhance unified and effective investment resources for major economic areas in the Mekong Delta;
- To ensure the restructuring, reforms, and equitization of state owned enterprises and improve their operational efficiency in accordance with the approved plans;
- To timely guide and review the pilot practices of establishing big business groups;
- To develop more progressively and simultaneously different types of markets, especially the property market, the financial market, the technological market; and to expand domestic and external markets;
- To actively implement the international economic integration road map, and accelerate negotiations for WTO accession;
- To continue the reforms of the fiscal and taxation systems in accordance with the requirement for national development and international economic integration;
- To modernize the management of the state budget revenue and expenses;
- To maintain flexible exchange rates and interest rates, constrain inflation rate and stabilize the macro economic environment;



## MACROECONOMIC OUTLOOK AND BANKING ACTIVITIES IN 2006

sách nhà nước.

- Điều hành linh hoạt tỷ giá và lãi suất, kiểm soát lạm phát, giữ ổn định kinh tế vĩ mô.
- Nâng cao độ an toàn của hệ thống ngân hàng và chất lượng tín dụng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu tăng trưởng bền vững;
- Đa dạng hóa hoạt động dịch vụ và sức cạnh tranh của hệ thống ngân hàng.
- Đổi mới cơ chế tài chính, cơ chế quản lý khoa học và công nghệ.
- Thúc đẩy việc gắn kết hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với doanh nghiệp, với thực tiễn sản xuất và đời sống;
- Ứng dụng và phát triển công nghệ cao.
- Thúc đẩy xã hội hóa và coi trọng nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo.
- củng cố kết quả xóa mù chữ;
- Thực hiện tốt phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
- Giải quyết đồng bộ các điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa, đảm bảo yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

### Về chỉ số giá tiêu dùng

Trong năm 2006, mục tiêu là kiềm chế CPI dưới mức tăng trưởng kinh tế, tức là khoảng dưới 8%. NHNN dự báo chỉ số CPI năm 2006 tăng khoảng 7-7,5% trên cơ sở phân tích các nhân tố làm tăng chỉ số CPI, như sau:

\* Thu nhập của dân chúng có thể tăng: Theo Bộ Tài chính, dự toán ngân sách Nhà nước năm 2006, dự toán chi thực hiện cải cách tiền lương chiếm 10,1% tổng chi NSNN để thực hiện điều chỉnh mức lương tối thiểu vào thời điểm 01/10/2005, 01/10/2006 và để thực hiện những khoản phụ cấp theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ; nền kinh tế đang trong chu kỳ tăng trưởng.

\* Một số mặt hàng dự kiến tăng trong 2006, như viện phí, giá điện, giá than ... Bên cạnh đó, các mặt hàng lương thực, thực phẩm chưa có dấu hiệu ổn định, vẫn có nguy cơ tăng giá....

\* Ngoài ra, đồng Đô la có xu hướng tiếp tục lên giá trong năm 2006, tạo sức ép giảm giá VNĐ. Điều đó có thể làm tăng giá hàng nhập khẩu, tăng chi phí đầu vào đối với các doanh

- To improve the security of the banking system and credit quality to meet the requirement of sustainable economic growth;
- To diversify services and the competitiveness of the banking system;
- To reform the mechanism of financial management and science and technological management;
- To encourage the close combination of scientific research and technological development with enterprises, production, and daily life;
- To apply and develop high technology;
- To promote socialization and attach importance to the improvement of the quality of training and education;
- To improve the results of anti-illiteracy activities;
- To universalize secondary education;
- To improve the condition in terms of teachers, facilities, equipments, and text books to ensure their compliance with reformed education programs.

### Consumer price index

The goal set for 2006 is to restrain CPI below the economic growth rate, i.e. less than 8%. CPI in 2006 is forecasted by SBV to increase by 7-7.5% according to its analysis of the following influencing factors:

- Per capita income of the population might increase. This may be attributed to the fact that according to the State Budget Plan as suggested by the Ministry of Finance, government expenses for wage reform will account for 10.1% of the total budget expenditure. This is to adjust the minimum basic salary on the 1st of October 2005 and the 1st of October 2006, and to pay remuneration according to regulations in Decree numbered 204/2004/ND-CP of the Government. The economy in the increasing cycle.
- The prices of a number of commodities are expected to increase in 2006, including hospital services, electricity, and coal. In addition, food prices risk hike, let alone stability;
- The US dollar tends to appreciate in 2006, imposing pressure on VND to depreciate. This may result in higher import prices, higher cost of production inputs, leading to higher price of final products.



## TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG NĂM 2006

ng nghiệp sản xuất, điều đó dẫn đến giá thành sản phẩm tăng.

\* Nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển kinh tế vẫn tiếp tục gia tăng. Nhiều dự án đã được phê duyệt mở rộng đầu tư trong năm 2006, như phát triển ngành thép, ngành điện, than, xi măng...

\* Dịch cúm gia cầm tuy đã được khống chế nhưng vẫn có nguy cơ bùng phát trở lại, sẽ ảnh hưởng xấu đến nguồn cung thực phẩm và làm tăng giá nhóm hàng này. Đặc biệt là nếu dịch cúm gia cầm xảy ra vào dịp Tết, khi nhu cầu thực phẩm đang tăng làm cho giá gia cầm nói riêng và thực phẩm nói chung sẽ tăng cao.

\* Yếu tố giá cả trên thị trường quốc tế tác động đến giá cả trong nước năm 2006 là nhỏ so với năm 2005. Song việc Iran nối lại chương trình hạt nhân có thể gây bất ổn khó lường đến giá dầu quốc tế và do đó tác động đến Việt Nam.

### Diễn biến thị trường tiền tệ trong nước

● **Sức ép tăng lãi suất:** Trong những tháng cuối năm 2005 lãi suất quốc tế đã có xu hướng tăng và khả năng tiếp tục tăng trong năm 2006 như phân tích ở trên. Các yếu tố này sẽ làm tăng sức ép về lãi suất của Việt Nam trong năm 2006. Đây là một thách thức lớn cho NHNN trong điều hành CSTT khi NHNN vừa thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát vừa hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

● **Sức ép về tỷ giá:** Một số dự báo nhận định rằng trong năm 2006 đồng USD có xu hướng tăng giá, do vậy dự báo tỷ giá của VND với USD sẽ có biến động hơn so với các năm trước đây.

● **Sức ép về vốn cho đầu tư tín dụng** cho các dự án đầu tư trọng điểm của Nhà nước và nhu cầu vay vốn để sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đầu tư của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ gia đình, cá thể, hợp tác xã đang gia tăng khá lớn. Trong khi đó, các NHTM khó có khả năng tăng vốn để đáp ứng đủ nhu cầu vay, vì hạn chế về năng lực tài chính như vốn tự có vẫn thấp so với nhu cầu phát triển, nợ tồn đọng tuy đã được giảm thấp nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro.

### Các yếu tố tác động khác

Thâm hụt ngân sách và tín dụng hỗ trợ phát triển của nhà nước có xu hướng gia tăng do chi tiêu của Chính phủ được mở rộng đối với nhiều dự án lớn như điện, xi măng... đã được cam kết những năm trước đó và sẽ giải ngân trong năm

● *The demand of investment for economic development will continue to grow. Numerous projects have been approved for investment expansion in 2006 in steel, coal, cement and electricity industries.*

● *Avian flu has been contained but it is likely to reoccur, hence adversely affecting the sources of foodstuff supply and push up its price. If the avian flu occurs during the Lunar New Year when the food demand strongly increases, it will cause a surge in the prices of poultry in particular and foodstuffs in general.*

*The possibility that the prices in the international market in 2006 will affect the domestic prices is very minor as compared to 2005. However, the resumption of the Iranian nuclear program may cause unpredicted instability to the world oil price and thereby inducing somewhat impacts on Vietnam.*

### Domestic monetary market developments

● **Pressure to increase interest rate:** In late 2005, international interest rate tended to increase and this trend would continue in 2006 as analyzed above. These factors will increase interest rate pressure on Vietnam in 2006. This is a great challenge to SBV in its monetary policy management as it has to simultaneously carry out the targets of both inflation containment and economic growth support.

● **Foreign exchange rate pressure:** the US dollar is forecasted to appreciate in 2006, therefore the exchange rate of Vietnamese Dong against USD is expected to suffer more fluctuations as compared to the previous years.

● **Credit investment capital for key projects** of the State and capital demands for business, services and investment of small and medium size enterprises, households, individuals and co-operatives are being on the rise. Meanwhile, commercial banks could hardly be recapitalized to fully meet the borrowing demands due to limits in financial capacity, namely low own equity vis-à-vis development requirements and potential risk of NPLs in spite of their down sizing.

### Other impacting factors:

*State Budget deficit and development assistance credits are likely to go up due to an increase in Government spending on big projects such as electricity, cement, etc which were committed in*



## MACROECONOMIC OUTLOOK AND BANKING ACTIVITIES IN 2006

2006. Do nhu cầu đầu tư phát triển lớn, tích lũy từ ngân sách đã tăng khá nhưng yêu cầu đầu tư phát triển lớn phải huy động thông qua bội chi NSNN ở mức còn khá cao (bội chi ngân sách nhà nước dự kiến trong năm 2006 là 48,5 nghìn tỷ đồng, bằng 5% GDP), do đó thâm hụt ngân sách gia tăng sẽ tác động tiêu cực đến cán cân thương mại, thị trường vốn và lãi suất tín dụng.

### ĐIỀU HÀNH CSTT TRONG NĂM 2006 CỦA NHNN

#### Mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ

Trước bối cảnh tình hình thế giới đang diễn biến phức tạp, khó lường, điều hành CSTT trong năm 2006 sẽ được thực hiện một cách chủ động, linh hoạt, theo dõi sát và dự báo kịp thời những biến động của tình hình kinh tế, tiền tệ trong nước và quốc tế, vừa điều hành vừa tìm tòi và tham khảo kinh nghiệm quốc tế, kiên định theo kinh tế thị trường định hướng XHCN, nhằm đảm bảo thực hiện CSTT có hiệu quả.

#### Dự kiến một số chỉ tiêu tiền tệ - Tín dụng năm 2006

Trên cơ sở các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô do Chính phủ đề ra và mục tiêu của chính sách tiền tệ, căn cứ vào những dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô trong nước cũng như thế giới, những thuận lợi và khó khăn trong việc điều hành CSTT của NHNN, NHNN dự kiến một số chỉ tiêu tiền tệ năm 2006 như sau:

- \* Tổng phương tiện thanh toán tăng 23-25% so với 31/12/2005
- \* Tín dụng đối với nền kinh tế tăng khoảng 18-20% so với 31/12/2005.
- \* Huy động vốn tăng khoảng 20-22% so với 31/12/2005

#### Các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ

Do mục tiêu tăng trưởng tiếp tục cao, chiều hướng lãi suất quốc tế có xu hướng tăng nhẹ trong những tháng đầu năm và có thể chững lại vào những tháng cuối năm, vì vậy, việc điều hành CSTT của NHNN trước mắt không có biện pháp thắt chặt tiền tệ ngoại trừ khi có những biến động đột biến ngoài dự kiến. NHNN sẽ đưa ra các giải pháp linh hoạt về tiền tệ, tín dụng, lãi suất, tỷ giá phù hợp với mục tiêu chính sách tiền tệ, cụ thể như sau:

the previous years and will be disbursed in 2006. Although the country has sustained accumulative budget, it has still experienced high state budget over-expenditures (which is estimated to reach 48.5 billion VND, equivalent to 5% of GDP by 2006) due to great demands for development investment. Therefore, an increase in the budget deficit is estimated to impose negative impacts on the balance of trade, the capital market and credit interest rate.

### SBV MONETARY POLICY MANAGEMENT IN 2006

#### Objectives

In the context of complex and volatile developments of the world economy, the monetary policy in 2006 will be implemented in an active and flexible manner by closely watching and timely predicting international and domestic monetary and economic developments, exploring selected international experiences as well as consistently developing the socialism-oriented market economy in order to ensure an efficient implementation of the monetary policy.

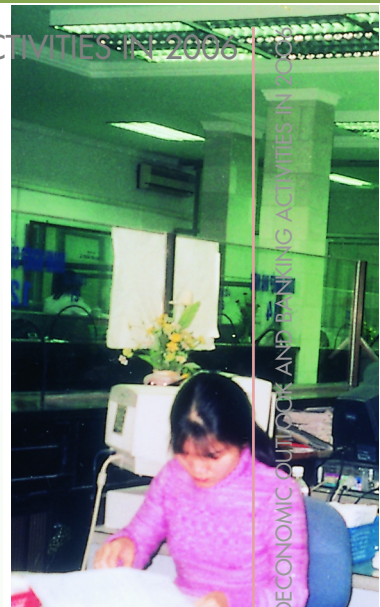
#### Monetary-credit targets for 2006

Based on the macroeconomic targets set out by the Government and the monetary policy objectives, predictions on international and domestic macroeconomic situation, and advantages and disadvantages in the management of the SBV monetary policy. Following are some monetary goals:

- \* Total liquidity increases by 23 - 25% as compared to that on December, 31<sup>st</sup> 2005
- \* Credits to the economy go up by 18 - 20% as compared to that on December, 31<sup>st</sup> 2005
- \* Capital mobilization grows by 20 - 22% as compared to that on December, 31<sup>st</sup> 2005

#### Solutions to monetary policy management

SBV temporarily conducts a tight-free monetary policy except for unexpected fluctuations, given continued high growth rate targets and a slight upward trend in international interest rate in the early months, with the possibility of standstill in





## TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG NĂM 2006

**(1)** Điều hành thận trọng cung ứng tiền theo chỉ tiêu được Chính phủ phê duyệt: Kiểm soát tốc độ gia tăng khối lượng tiền tệ trong nền kinh tế, thông qua các công cụ CSTT để điều tiết sao cho mức độ tăng TPTTT và tín dụng không vượt quá mục tiêu đã định.

**(2)** Điều hành lãi suất và tỷ giá theo cơ chế thị trường nhằm kiểm soát lạm phát và đáp ứng tốt cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo sự hợp lý giữa lãi suất VND và lãi suất ngoại tệ trong mối quan hệ với tỷ giá, hạn chế sự dịch chuyển tiền gửi VND sang gửi ngoại tệ:

\* Điều hành tỷ giá linh hoạt bám sát diễn biến cung cầu ngoại tệ trên thị trường, đảm bảo tỷ giá danh nghĩa sát với tỷ giá thực, tiến tới mở rộng biên độ tỷ giá phù hợp với mức độ mở cửa thị trường tài chính và năng lực kiểm soát của NHNN;

\* Hoàn thiện cơ chế điều hành lãi suất theo hướng tạo lập một mức lãi suất chuẩn trên thị trường tiền tệ; kiểm soát lãi suất trúng thầu nghiệp vụ thị trường mở để kiểm chế lãi suất thị trường.

**(3)** Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác thông kê và trình độ phân tích, dự báo lạm phát, dự báo tiền tệ, xác định mức độ cũng như độ trễ tác động của sự thay đổi lãi suất chỉ đạo, thay đổi khối lượng tiền đến các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô thông qua việc tiến hành khảo sát các kênh tác động của CSTT đến nền kinh tế để đảm bảo các quyết định về điều hành CSTT là phù hợp.

**(4)** Đẩy nhanh tiến độ để án hiện đại hóa NHTW nhằm xây dựng NHTW Việt Nam hiện đại đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

**(5)** Kiểm soát tăng trưởng tín dụng hợp lý gắn liền với mục tiêu tăng trưởng kinh tế và giảm tỷ lệ nợ xấu, chú trọng đến chất lượng tín dụng. Bên cạnh việc đáp ứng vốn cho các dự án lớn phải đảm bảo vốn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hộ nông - lâm - ngư nghiệp...

**(6)** Tăng cường vai trò trung gian của TCTD trong huy động vốn, đồng thời tăng cường huy động vốn qua kênh thị trường vốn, để vừa giảm bớt rủi ro tín dụng, vừa phục vụ được nhu cầu vốn cho phát triển.

**(7)** Kiểm soát chặt chẽ hoạt động của các NHTM cổ phần song song với việc cải cách, cơ cấu lại và cổ phần hóa các NHTM Nhà nước. Tiếp tục đa dạng hóa

the late months. SBV will introduce flexible measures for the implementation of monetary, credit, interest rate and foreign exchange rate policies in line with the following monetary policy objectives:

**(1)** Prudential management of monetary base pursuant to the goals approved by the Government: The increase of the quantity of money circulated in the economy will be controlled through monetary policy instruments to regulate the growth rates of total liquidity and credit in a way not to exceed the set targets.

**(2)** Interest and exchange rates will be managed by market forces in order to control inflation and contribute remarkably to economic growth; appropriate relationships between VND interest rate, foreign currency interest rate and exchange rate will be ensured; thus lessening the shift from VND deposits to foreign currencies.

- Management of exchange rate will be flexible in close relation with foreign currency demand-supply; ensuring a close tie between the nominal and real exchange rates; moving forward to an extension of exchange rate band in line with the opening level of the financial market and SBV control capacity.

- Further development of interest rate management structure through establishing a standard interest rate in the monetary market; OMOs successful bidding yields will be controlled to contain market interest rate.

**(3)** Further improvement of the quality of statistics and analysis capability, inflation and money prediction; determining the scope as well as the time-lag effects of changes of the directed interest rate and the impacts of changes of money quantity on the macroeconomic targets through surveys on monetary policy influencing channels to the economy in order to ensure the appropriation of monetary policy management decisions.

**(4)** The process of central bank modernization will be accelerated to establish a modern central bank of Vietnam in order to meet international economic integration requirements.

**(5)** Credit growth will be appropriately controlled in accordance with economic growth targets and non-performing loan reduction while enhancing the credit quality. Apart from meeting capital demands for big projects, it is also necessary to ensure resources for small and medium size enterprises and agriculture-forestry-fishery households, etc.

**(6)** The role of credit institutions as intermediaries in capital mobilization and the fund mobilization through the capital market will be accelerated so as to lessen credit risks and meet capital demands for development.





## MACROECONOMIC OUTLOOK AND BANKING ACTIVITIES IN 2006

sở hữu trong lĩnh vực ngân hàng, ban hành cơ chế, chính sách và tiêu chí mới đối với việc thành lập ngân hàng (tiêu chí về vốn tự có, khả năng quản trị, nguồn nhân lực...).

**(8)** Chủ động trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế thông qua việc chuẩn hoá các qui định về quản lý ngoại hối theo thông lệ quốc tế.

**(9)** Tiếp tục thực hiện việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo Quyết định 493 đã ban hành, trên cơ sở đó sẽ sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với thông lệ quốc tế.

**(10)** NHNN chỉ đạo các TCTD theo hướng giảm tỷ trọng cho vay ngoại tệ, giảm việc sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn, chủ động tìm nguồn vốn để đầu tư, đầu tư gián tiếp thông qua đầu tư vào giấy tờ có giá (tín phiếu, trái phiếu các loại) nhằm hạn chế rủi ro tín dụng; Chấn chỉnh một số lĩnh vực đầu tư như cho vay bất động sản, cho vay thi công xây lắp những công trình còn nợ đọng và cho vay các doanh nghiệp Nhà nước..., nhằm nâng cao tính an toàn cho hoạt động tín dụng của các TCTD và đáp ứng nhu cầu vốn cho các công trình trọng điểm của Nhà nước, cũng như vốn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ

❖ Triển khai thực hiện các phương án nhằm nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh của các NHTM theo đề án phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ

Nhằm tiếp tục nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh của hệ thống ngân hàng, đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng và yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Trong năm 2006, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục rà soát để sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản liên quan đến hoạt động ngân hàng, cụ thể: tiếp tục thực hiện các giải pháp tự bổ sung vốn tự có, xử lý dứt điểm các khoản nợ tồn đọng phát sinh trước ngày 31/12/2000 hiện vẫn còn dư nợ theo Đề án xử lý nợ tồn đọng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Xây dựng chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro phù hợp với Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Xây dựng, hoàn thiện và vận hành hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ thuộc bộ máy điều hành; Xây dựng, hoàn thiện và vận hành bộ máy và quy trình kiểm toán nội bộ thuộc chức năng của Ban Kiểm soát NHTMNN; Xây dựng và vận hành bộ máy, qui trình quản lý rủi ro, quản lý tài sản nợ - tài sản có, đảm bảo yêu cầu từng bước áp dụng có hiệu quả các thông lệ quốc tế; Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý nội bộ. Xây dựng và thực hiện qui trình kiểm tra, giám sát vốn vay nhằm hạn chế rủi ro, đảm bảo

**(7)** The operations of joint-stock commercial banks will be strictly controlled in parallel with the reform, restructure and equitization of state-owned commercial banks. Banking ownership diversification and the issuance of new regulations, policies and criteria for banking establishment (new criteria on own equity, management capacity, human resource, etc) will be continued.

**(8)** Active participation in international economic integration through the standardization of foreign exchange management regulations in conformity with international practice.

**(9)** Further conducting loan classification and risk provisions pursuant to Decision No.493 to be revised in line with international practice.

**(10)** SBV will instruct credit institutions to reduce the proportion of foreign currency lending and lower the usage of short term loans for medium and long term lending; active fund mobilization for investment; indirect investment by valuable papers (including bonds, bills, etc) to reduce credit risks; consolidation of several investment areas such as property lending, lending for the construction of non-performing works; state-owned enterprise lending, etc in order to strengthen the safety of credit institution operations and to meet capital demand of major State projects as well as small and medium size enterprises.

❖ **Implementation of measures to improve financial conditions and competitiveness of commercial banks based on the Plan approved by the Prime Minister.**

To further improve the financial conditions and competitiveness of the banking sector to fully satisfy international standards on banking operations and international economic integration requirements. In 2006, SBV continues to review to revise and issue documents on banking activities, which includes: measures to recapitalize own equity, complete resolution of non-performing loans up to 31/12/2000 pursuant to the Plan for non-performing loan treatment as approved by the Government; developing policies of loan classification and risk provisions in line with the SBV Governor's Decision No.493/2005/QĐ-NHNN; development, improvement and operation of internal supervision and control system under the management board; internal audit carried out by state-owned commercial bank Supervision Committee; risk management and assets and liabilities management in order to ensure gradually effective application of international practice; development of internal management information system; development and implementation of supervision and monitoring procedures for lending to reduce risks and guarantee credit safety.

## TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG NĂM 2006

an toàn tín dụng.

Bên cạnh đó, trong năm 2006, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục xúc tiến triển khai các bước cổ phần hoá Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và quy định hiện hành và chỉ đạo các NHTM nhà nước còn lại xây dựng lộ trình cổ phần hoá theo chủ trương của Chính phủ.

### ❖ Về hoạt động thanh tra, giám sát

Định hướng chung về hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng năm 2006 là tiến hành các bước nhằm đổi mới căn bản và toàn diện công tác thanh tra ngân hàng phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập nói chung và sự phát triển không ngừng của hệ thống các TCTD Việt Nam nói riêng; góp phần xây dựng một ngân hàng trung ương hiện đại. Đổi mới công tác thanh tra ngân hàng phải được tiến hành toàn diện và triệt để trên cả 3 phương diện cơ chế hoạt động, phương thức hoạt động và mô hình tổ chức, cụ thể:

- \* Chuyển dần phương pháp thanh tra tuân thủ sang phương pháp thanh tra dựa trên cơ sở rủi ro, trong đó thanh tra các yếu tố rủi ro giữ vị trí quan trọng nhằm đảm bảo sự an toàn và lành mạnh chung của toàn hệ thống các TCTD.

- \* Kết hợp giám sát từ xa và thanh tra tại chỗ, trong đó công tác giám sát từ xa phải được quan tâm thỏa đáng để có thể tiến hành đánh giá, phân tích, cảnh báo sớm tình hình của từng TCTD và toàn hệ thống tại từng thời thời điểm cụ thể. Qua giám sát từ xa, chuẩn bị các nội dung cần thiết để tiến hành thanh tra tại chỗ.

- \* Trên cơ sở mô hình tổ chức hiện nay của Thanh tra Ngân hàng, tiến tới xây dựng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, có bộ máy thống nhất từ trung ương đến địa phương, thực hiện đầy đủ chức năng của công tác thanh tra giám sát.

### ❖ Hoạt động đối ngoại năm 2006

Năm 2006, năm đầu tiên thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2006-2010, là năm có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam nói chung và hệ thống ngân hàng nói riêng trong việc thực hiện kế hoạch đổi mới phát triển hệ thống ngân hàng, trong đó có nội dung quan trọng là xây dựng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành một NHTW hiện đại, phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Để đạt được mục tiêu đề ra, nhiệm vụ đối ngoại trọng tâm trong năm tới của NHNN là phối hợp với các bộ, ngành hữu quan tích cực vận động, thu hút và khai thác hiệu quả các chương trình, dự án và hỗ

Besides, in 2006 SBV continues to carry out equitization of the Bank of Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank) and the Mekong Housing Bank pursuant to the Plans approved by the Government and the existing regulations. In addition, SBV instructs the rest of SOCBs to work out the equitization roadmap under the Government guidance.

### ❖ Monitoring and supervision activities

The general guideline for banking monitoring and supervision in 2006 is to carry out basic and comprehensive renovation of the banking supervision in accordance with international practice so as to meet integration requirements in general and constant development of the Vietnamese credit institution system in particular and make contribution to building up a modern central bank. The reforms in banking supervision needs to be conducted in a complete and comprehensive manner based on 3 aspects, namely operational mechanism, operational modes and organizational structure, as follows:

- \* Shifting from the compliance inspection - to the risk-based, in which the inspection of risk factors plays a key role in ensuring the safety and soundness of the entire credit institution system.

- \* Combining offsite and onsite supervision with the appropriate attention to offsite practice to make assessments, analysis and early warnings about the conditions of each institution as well as the entire credit institution system from time to time. Offsite supervision should result in necessary preparation for onsite supervision.

- \* Based on the existing banking supervision organizational structure, steps will be taken to establish a banking supervision and monitoring Department under the SBV Governor, which runs an organizational structure from the central to local level and fully conducts supervision and monitoring functions.

### ❖ External performance in 2006

The year 2006 is the first year to implement the Five-Year Socio-Economic Development Plan in the period of 2006-2010. It is also an important year for Vietnam in general and the banking sector in particular in the implementation of the plan for banking renewal and development, which covers an important part of turning SBV into a modern central bank, developing and integrating into regional and international economy. To achieve planned targets, the key tasks of external activities in the coming year of SBV is to cooperate with relevant ministries and agencies to actively



## MACROECONOMIC OUTLOOK AND BANKING ACTIVITIES IN 2006

trợ kỹ thuật của các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ODA để hỗ trợ đặc lực cho quá trình cải cách hệ thống ngân hàng nói riêng và nền kinh tế của Việt Nam nói chung, đặc biệt là trong lĩnh vực điều chỉnh cơ cấu, hoạch định chính sách, phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2006-2010 của đất nước.

Đồng thời, để phục vụ tiến trình Việt Nam gia nhập WTO, trong năm 2006, NHNN sẽ tiếp tục các nỗ lực trong việc đàm phán đa phương và song phương về lĩnh vực ngân hàng với các đối tác còn lại, trong đó có đối tác lớn như Hoa Kỳ... NHNN cũng sẽ tiếp tục khai thác và triển khai các chương trình hợp tác về lĩnh vực ngân hàng, tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật và các chương trình đào tạo của các tổ chức đa phương và song phương nhằm không ngừng bổ sung và nâng cao kiến thức đáp ứng được yêu cầu đổi mới và khả năng hội nhập kinh tế quốc tế của ngành ngân hàng.

### ❖ Công tác phát hành và kho quỹ

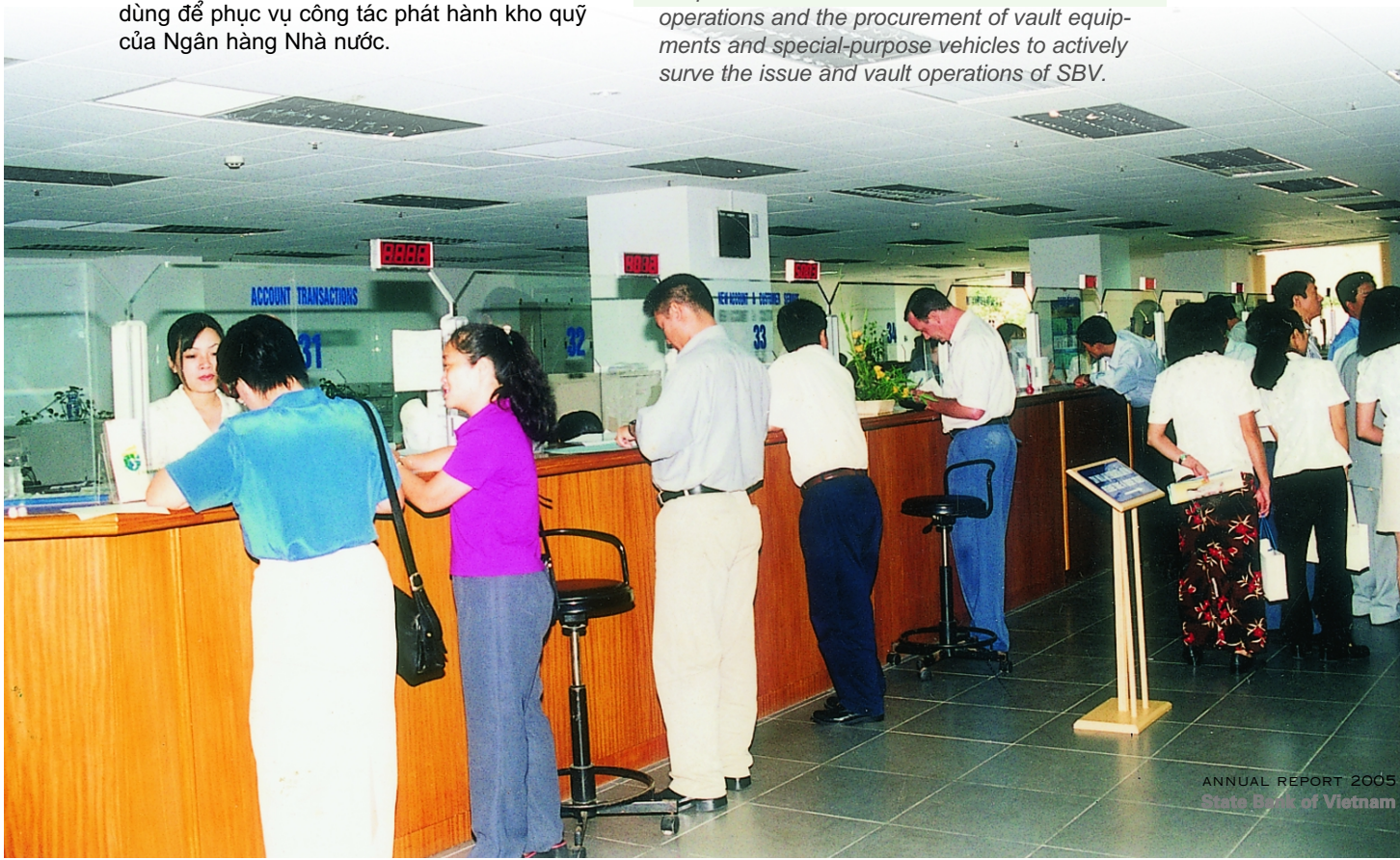
Thực hiện tốt công tác cung ứng, điều hòa, điều chuyển tiền mặt, đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu của nền kinh tế cả về giá trị và cơ cấu mệnh giá. Đồng thời, NHNN phối hợp với Bộ Công an và các ngành liên quan đẩy mạnh công tác phòng, chống tiền giả; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân trong việc nhận biết các loại tiền do Ngân hàng Nhà nước phát hành để phòng ngừa rủi ro nhận phải tiền giả; hoàn thành Đề án hiện đại hóa công tác phát hành, kho quỹ và việc mua sắm các thiết bị kho quỹ, xe chuyên dùng để phục vụ công tác phát hành kho quỹ của Ngân hàng Nhà nước.

*campaign, attract and make better use of international monetary and financial institutions' programs, projects and technical assistance and ODA resources to actively support the banking reforms in particular and the Vietnamese economy in general, notably in structural adjustments, policy making and socio-economic development in the period of 2006-2010 of the country.*

*In the mean time, for the acceleration of Vietnam's WTO accession process, in 2006, SBV will make further efforts in bilateral and multilateral negotiations on the banking sector with the remaining counterparts, especially the USA as a big player. SBV will also exploit and conduct cooperation programs on the banking sector, taking advantage of technical assistance and training programs of bilateral and multilateral organizations to improve knowledge and to meet the requirements of reform and international economic integration capability of the banking sector.*

### ❖ Issue and Vault operations

*The supply, harmonization and movement of cash are carried out regularly to timely meet economic demands in term of both the value and the denomination structure of bank notes. At the same time, SBV will cooperate with the Ministry of Public Security and other relating agencies to accelerate the fight against counterfeit money; promoting education and information for the public in distinguishing banknote issued by SBV to prevent the risk of counterfeit money; completing the plan for modernization of issue and vault operations and the procurement of vault equipments and special-purpose vehicles to actively serve the issue and vault operations of SBV.*





## TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP)\*, 1998 - 2005

| Thời gian | GDP theo giá<br>hiện hành (tỷ đồng) | GDP theo giá<br>so sánh 1994 (tỷ đồng) | Mức tăng trưởng<br>GDP (%) |
|-----------|-------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------|
| 1998      | 361,468                             | 244,676                                | 5.76                       |
| 1999      | 399,942                             | 256,269                                | 4.77                       |
| 2000      | 444,139                             | 237,582                                | 6.75                       |
| 2001      | 481,295                             | 292,535                                | 6.84                       |
| 2002      | 536,098                             | 313,135                                | 7.04                       |
| 2003      | 605,491                             | 335,821                                | 7.24                       |
| 2004      | 713,072                             | 362,093                                | 7.69                       |
| 2005      | 837,858                             | 392,989                                | 8.43                       |

Nguồn số liệu: **Tổng cục Thống kê**



## GROSS DOMESTIC PRODUCTS (GDP)\*, 1998 - 2005

| Period | GDP at current price<br>(VND Billion) | GDP at constant price<br>of 1994 (VND Billion) | GDP growth rate<br>(%) |
|--------|---------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------|
| 1998   | 361,468                               | 244,676                                        | 5.76                   |
| 1999   | 399,942                               | 256,269                                        | 4.77                   |
| 2000   | 444,139                               | 237,582                                        | 6.75                   |
| 2001   | 481,295                               | 292,535                                        | 6.84                   |
| 2002   | 536,098                               | 313,135                                        | 7.04                   |
| 2003   | 605,491                               | 335,821                                        | 7.24                   |
| 2004   | 713,072                               | 362,093                                        | 7.69                   |
| 2005   | 837,858                               | 392,989                                        | 8.43                   |

Source: *The General Statistic Office*



## CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

Đơn vị tính: %

| Năm  | Thời gian                 | Tháng 1 | Tháng 2 | Tháng 3 | Tháng 4 | Tháng 5 | Tháng 6 | Tháng 7 | Tháng 8 | Tháng 9 | Tháng 10 | Tháng 11 | Tháng 12 |
|------|---------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|----------|----------|----------|
| 2000 | So với 12 năm trước       | 0,4     | 2,0     | 0,9     | 0,2     | -0,4    | -1,0    | -1,6    | -1,5    | -1,7    | -1,6     | -0,7     | -0,6     |
|      | Tính lũy kế theo tháng    | 0,4     | 1,6     | -1,1    | -0,7    | -0,6    | -0,6    | -0,6    | 0,1     | -0,2    | 0,1      | 0,9      | 0,1      |
|      | So cùng kỳ năm trước      | -1,4    | -1,2    | -2,0    | -2,1    | -2,3    | -2,4    | -2,6    | -2,1    | -1,8    | -0,7     | -0,2     | -0,6     |
| 2001 | So với tháng 12 năm trước | 0,3     | 0,7     | 0,0     | -0,5    | -0,7    | -0,7    | -0,9    | -0,9    | -0,4    | -0,4     | -0,2     | 0,8      |
|      | Tính lũy kế theo tháng    | 0,3     | 0,4     | -0,7    | -0,5    | -0,2    | 0       | -0,2    | 0       | 0,5     | 0        | 0,2      | 1        |
|      | So cùng kỳ năm trước      | 0,6     | -1,8    | -1,4    | -1,2    | -0,8    | -0,3    | 0,5     | 0,0     | 0,7     | 0,4      | -0,3     | 0,8      |
| 2002 | So với tháng 12 năm trước | 1,1     | 3,3     | 2,5     | 2,5     | 2,8     | 2,9     | 2,8     | 2,9     | 3,1     | 3,4      | 3,7      | 4,0      |
|      | Tính lũy kế theo tháng    | 1,1     | 2,2     | -0,8    | 0       | 0,3     | 0,1     | -0,1    | 0,1     | 0,2     | 0,3      | 0,3      | 0,3      |
|      | So cùng kỳ năm trước      | 1,9     | 3,6     | 3,4     | 3,7     | 4,1     | 4,2     | 4,2     | 4,3     | 4,1     | 4,5      | 4,6      | 4,0      |
| 2003 | So với tháng 12 năm trước | 0,9     | 3,1     | 2,5     | 2,5     | 2,4     | 2,1     | 1,8     | 1,7     | 1,8     | 1,6      | 2,2      | 3,0      |
|      | Tính lũy kế theo tháng    | 0,9     | 2,2     | (0,6)   | 0,0     | (0,1)   | (0,3)   | (0,3)   | (0,1)   | 0,1     | (0,2)    | 0,6      | 0,8      |
|      | So với cùng kỳ năm trước  | 3,9     | 3,7     | 3,9     | 3,8     | 3,5     | 3,2     | 3       | 2,8     | 2,7     | 2,2      | 2,5      | 3        |
| 2004 | So với tháng 12 năm trước | 1,1     | 4,1     | 4,9     | 5,4     | 6,3     | 7,2     | 7,7     | 8,3     | 8,6     | 8,6      | 8,8      | 9,5      |
|      | Tính lũy kế theo tháng    | 1,1     | 3,0     | 0,8     | 0,5     | 0,9     | 0,9     | 0,5     | 0,6     | 0,3     | 0        | 0,2      | 0,7      |
|      | So với cùng kỳ năm trước  | 3,2     | 4,0     | 5,5     | 6,0     | 7,1     | 8,3     | 9,1     | 9,9     | 10,1    | 10,1     | 10,3     | 9,5      |
| 2005 | So với tháng 12 năm trước | 1,1     | 3,6     | 3,7     | 4,3     | 4,8     | 5,2     | 5,6     | 6,0     | 6,8     | 7,2      | 7,6      | 8,4      |
|      | Tính lũy kế theo tháng    | 1,1     | 2,5     | 0,1     | 0,6     | 0,5     | 0,4     | 0,4     | 0,4     | 0,8     | 0,4      | 0,4      | 0,8      |
|      | So với cùng kỳ năm trước  | 9,7     | 9,1     | 8,4     | 8,5     | 8,1     | 7,6     | 7,5     | 7,3     | 7,8     | 8,3      | 8,5      | 8,4      |

Nguồn số liệu: Tổng cục Thống kê



## THE CONSUMER PRICE INDEX

Unit: %

| Year | Period                                       | January | February | March | April | May   | June  | July  | August | September | October | November | December |
|------|----------------------------------------------|---------|----------|-------|-------|-------|-------|-------|--------|-----------|---------|----------|----------|
| 2000 | As compared to December of the previous year | 0.4     | 2.0      | 0.9   | 0.2   | -0.4  | -1.0  | -1.6  | -1.5   | -1.7      | -1.6    | -0.7     | -0.6     |
|      | As compare to the previous month             | 0.4     | 1.6      | -1.1  | -0.7  | -0.6  | -0.6  | -0.6  | 0.1    | -0.2      | 0.1     | 0.9      | 0.1      |
|      | CPI of months in the same period             | -1.4    | -1.2     | -2.0  | -2.1  | -2.3  | -2.4  | -2.6  | -2.1   | -1.8      | -0.7    | -0.2     | -0.6     |
| 2001 | As compared to December of the previous year | 0.3     | 0.7      | 0.0   | -0.5  | -0.7  | -0.7  | -0.9  | -0.9   | -0.4      | -0.4    | -0.2     | 0.8      |
|      | As compare to the previous month             | 0.3     | 0.4      | -0.7  | -0.5  | -0.2  | 0     | -0.2  | 0      | 0.5       | 0       | 0.2      | 1        |
|      | CPI of months in the same period             | 0.6     | -1.8     | -1.4  | -1.2  | -0.8  | -0.3  | 0.5   | 0.0    | 0.7       | 0.4     | -0.3     | 0.8      |
| 2002 | As compared to December of the previous year | 1.1     | 3.3      | 2.5   | 2.5   | 2.8   | 2.9   | 2.8   | 2.9    | 3.1       | 3.4     | 3.7      | 4.0      |
|      | As compare to the previous month             | 1.1     | 2.2      | -0.8  | 0     | 0.3   | 0.1   | -0.1  | 0.1    | 0.2       | 0.3     | 0.3      | 0.3      |
|      | CPI of months in the same period             | 1.9     | 3.6      | 3.4   | 3.7   | 4.1   | 4.2   | 4.2   | 4.3    | 4.1       | 4.5     | 4.6      | 4.0      |
| 2003 | As compared to December of the previous year | 0.9     | 3.1      | 2.5   | 2.5   | 2.4   | 2.1   | 1.8   | 1.7    | 1.8       | 1.6     | 2.2      | 3.0      |
|      | As compare to the previous month             | 0.9     | 2.2      | (0.6) | 0.0   | (0.1) | (0.3) | (0.3) | (0.1)  | 0.1       | (0.2)   | 0.6      | 0.8      |
|      | CPI of months in the same period             | 3.9     | 3.7      | 3.9   | 3.8   | 3.5   | 3.2   | 3     | 2.8    | 2.7       | 2.2     | 2.5      | 3        |
| 2004 | As compared to December of the previous year | 1.1     | 4.1      | 4.9   | 5.4   | 6.3   | 7.2   | 7.7   | 8.3    | 8.6       | 8.6     | 8.8      | 9.5      |
|      | As compare to the previous month             | 1.1     | 3.0      | 0.8   | 0.5   | 0.9   | 0.9   | 0.5   | 0.6    | 0.3       | 0.0     | 0.2      | 0.7      |
|      | CPI of months in the same period             | 3.2     | 4.0      | 5.5   | 6.0   | 7.1   | 8.3   | 9.1   | 9.9    | 10.1      | 10.1    | 10.3     | 9.5      |
| 2005 | As compared of the previous December         | 1.1     | 3.6      | 3.7   | 4.3   | 4.8   | 5.2   | 5.6   | 6.0    | 6.8       | 7.2     | 7.6      | 8.4      |
|      | Monthly accumulated                          | 1.1     | 2.5      | 0.1   | 0.6   | 0.5   | 0.4   | 0.4   | 0.4    | 0.8       | 0.4     | 0.4      | 0.8      |
|      | Year on year Comparison                      | 9.7     | 9.1      | 8.4   | 8.5   | 8.1   | 7.6   | 7.5   | 7.3    | 7.8       | 8.3     | 8.5      | 8.4      |

Source: General Statistics Office (GSO)



## TỶ GIÁ GIỮA ĐÔ LA MỸ VÀ ĐỒNG VIỆT NAM, 2005 (Số liệu ngày cuối tháng)

Đơn vị tính: **Đồng /USD**

| Thời gian | Ngân hàng Ngoại thương |        | Thị trường tự do Hà Nội |        |
|-----------|------------------------|--------|-------------------------|--------|
|           | Mua vào                | Bán ra | Mua vào                 | Bán ra |
| Tháng 1   | 15788                  | 15790  | 15790                   | 15810  |
| Tháng 2   | 15802                  | 15804  | 15800                   | 15820  |
| Tháng 3   | 15822                  | 15824  | 15810                   | 15830  |
| Tháng 4   | 15831                  | 15833  | 15820                   | 15850  |
| Tháng 5   | 15850                  | 15852  | 15840                   | 15860  |
| Tháng 6   | 15854                  | 15856  | 15850                   | 15870  |
| Tháng 7   | 15881                  | 15883  | 15870                   | 15880  |
| Tháng 8   | 15877                  | 15879  | 15880                   | 15890  |
| Tháng 9   | 15894                  | 15896  | 15880                   | 15900  |
| Tháng 10  | 15904                  | 15906  | 15900                   | 15900  |
| Tháng 11  | 15909                  | 15911  | 15940                   | 15960  |
| Tháng 12  | 15915                  | 15917  | 15900                   | 15930  |

Nguồn số liệu: **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**



## THE EXCHANGE RATE BETWEEN VND AND USD, 2005 (Monthly -end data)\*

Unit: VND / USD

| Period    | Vietcombank |         | Hanoi Parallel market |         |
|-----------|-------------|---------|-----------------------|---------|
|           | Buying      | Selling | Buying                | Selling |
| January   | 15788       | 15790   | 15790                 | 15810   |
| February  | 15802       | 15804   | 15800                 | 15820   |
| March     | 15822       | 15824   | 15810                 | 15830   |
| April     | 15831       | 15833   | 15820                 | 15850   |
| May       | 15850       | 15852   | 15840                 | 15860   |
| June      | 15854       | 15856   | 15850                 | 15870   |
| July      | 15881       | 15883   | 15870                 | 15880   |
| August    | 15877       | 15879   | 15880                 | 15890   |
| September | 15894       | 15896   | 15880                 | 15900   |
| October   | 15904       | 15906   | 15900                 | 15930   |
| November  | 15909       | 15911   | 15940                 | 15960   |
| December  | 15915       | 15917   | 15900                 | 15930   |

Source: State Bank of Vietnam



## TỶ GIÁ GIỮA ĐÔ LA MỸ VÀ ĐỒNG VIỆT NAM, 2005 (Tính trung bình trong tháng) \*

Đơn vị tính: Đồng /USD

| Thời gian | Ngân hàng Ngoại thương |        | Thị trường tự do Hà Nội |        |
|-----------|------------------------|--------|-------------------------|--------|
|           | Mua vào                | Bán ra | Mua vào                 | Bán ra |
| Tháng 1   | 15781                  | 15783  | 15780                   | 15802  |
| Tháng 2   | 15793                  | 15795  | 15800                   | 15835  |
| Tháng 3   | 15814                  | 15816  | 15805                   | 15825  |
| Tháng 4   | 15816                  | 15818  | 15810                   | 15830  |
| Tháng 5   | 15843                  | 15845  | 15839                   | 15859  |
| Tháng 6   | 15862                  | 15864  | 15860                   | 15880  |
| Tháng 7   | 15869                  | 15871  | 15860                   | 15880  |
| Tháng 8   | 15876                  | 15878  | 15867                   | 15886  |
| Tháng 9   | 15884                  | 15886  | 15874                   | 15894  |
| Tháng 10  | 15904                  | 15906  | 15895                   | 15919  |
| Tháng 11  | 15903                  | 15905  | 15911                   | 15934  |
| Tháng 12  | 15907                  | 15909  | 15919                   | 15941  |

\* Tỷ giá hối đoái bình quân số học tính theo tỷ giá hàng ngày của NH Ngoại thương và thị trường tự do

Nguồn số liệu: **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**



## THE EXCHANGE RATE BETWEEN VND AND USD, 2005 (Monthly average)\*

Unit: VND / USD

| Period    | Vietcombank |         | Hanoi Parallel market |         |
|-----------|-------------|---------|-----------------------|---------|
|           | Buying      | Selling | Buying                | Selling |
| January   | 15781       | 15783   | 15780                 | 15802   |
| February  | 15793       | 15795   | 15800                 | 15835   |
| March     | 15814       | 15816   | 15805                 | 15825   |
| April     | 15816       | 15818   | 15810                 | 15830   |
| May       | 15843       | 15845   | 15839                 | 15859   |
| June      | 15862       | 15864   | 15860                 | 15880   |
| July      | 15869       | 15871   | 15860                 | 15880   |
| August    | 15876       | 15878   | 15867                 | 15886   |
| September | 15884       | 15886   | 15874                 | 15894   |
| October   | 15904       | 15906   | 15895                 | 15919   |
| November  | 15903       | 15905   | 15911                 | 15934   |
| December  | 15907       | 15909   | 15919                 | 15941   |

\* Arithmetic average exchange rate is calculated based on the Vietcombank daily trading and parallel market's rates

Source: **The State Bank of Vietnam**



## GIÁ VÀNG THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC NĂM 2005

Đơn vị tính: **Ngàn đồng/chỉ**

| Thời gian | Giá ngày cuối tháng |        | Giá trung bình trong tháng |        |
|-----------|---------------------|--------|----------------------------|--------|
|           | Mua vào             | Bán ra | Mua vào                    | Bán ra |
| Tháng 1   | 813                 | 824    | 814                        | 825    |
| Tháng 2   | 827                 | 841    | 820                        | 834    |
| Tháng 3   | 819                 | 831    | 817                        | 829    |
| Tháng 4   | 815                 | 827    | 818                        | 830    |
| Tháng 5   | 807                 | 815    | 815                        | 822    |
| Tháng 6   | 829                 | 835    | 820                        | 828    |
| Tháng 7   | 820                 | 828    | 818                        | 825    |
| Tháng 8   | 834                 | 841    | 832                        | 839    |
| Tháng 9   | 872                 | 880    | 855                        | 863    |
| Tháng 10  | 885                 | 892    | 877                        | 886    |
| Tháng 11  | 934                 | 944    | 898                        | 907    |
| Tháng 12  | 970                 | 978    | 960                        | 973    |

Nguồn số liệu: **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**



## DOMESTIC MARKET GOLD PRICE, 2005

Unit: Thousand VND/ tael

| Period    | Month-end-Price |         | Monthly average |         |
|-----------|-----------------|---------|-----------------|---------|
|           | Buying          | Selling | Buying          | Selling |
| January   | 813             | 824     | 814             | 825     |
| February  | 827             | 841     | 820             | 834     |
| March     | 819             | 831     | 817             | 829     |
| April     | 815             | 827     | 818             | 830     |
| May       | 807             | 815     | 815             | 822     |
| June      | 829             | 835     | 820             | 828     |
| July      | 820             | 828     | 818             | 825     |
| August    | 834             | 841     | 832             | 839     |
| September | 872             | 880     | 855             | 863     |
| October   | 885             | 892     | 877             | 886     |
| November  | 934             | 944     | 898             | 907     |
| December  | 970             | 978     | 960             | 973     |

Source: State bank of Vietnam



## CÁC LÃI SUẤT DO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CÔNG BỐ NĂM 2005

*Tính theo %/năm*

|          | <u>Lãi suất cơ bản *</u> | <u>Lãi suất tái cấp vốn</u> | <u>Lãi suất chiết khấu</u> |
|----------|--------------------------|-----------------------------|----------------------------|
| Tháng 1  | 7.5                      | 5.0                         | 3.0                        |
| Tháng 2  | 7.8                      | 5.5                         | 3.5                        |
| Tháng 3  | 7.8                      | 5.5                         | 3.5                        |
| Tháng 4  | 7.8                      | 5.5                         | 3.5                        |
| Tháng 5  | 7.8                      | 5.5                         | 3.5                        |
| Tháng 6  | 7.8                      | 6.0                         | 4.0                        |
| Tháng 7  | 7.8                      | 6.0                         | 4.0                        |
| Tháng 8  | 7.8                      | 6.0                         | 4.0                        |
| Tháng 9  | 7.8                      | 6.0                         | 4.0                        |
| Tháng 10 | 7.8                      | 6.0                         | 4.0                        |
| Tháng 11 | 7.8                      | 6.0                         | 4.0                        |
| Tháng 12 | 8.25                     | 6.5                         | 4.5                        |

*Nguồn số liệu: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*



## INTEREST RATES SET BY THE STATE BANK OF VIETNAM IN 2005

(As percentage/year)

|           | Base interest rate | Refinancing interest rate | Discount interest rate |
|-----------|--------------------|---------------------------|------------------------|
| January   | 7.5                | 5.0                       | 3.0                    |
| February  | 7.8                | 5.5                       | 3.5                    |
| March     | 7.8                | 5.5                       | 3.5                    |
| April     | 7.8                | 5.5                       | 3.5                    |
| May       | 7.8                | 5.5                       | 3.5                    |
| June      | 7.8                | 6.0                       | 4.0                    |
| July      | 7.8                | 6.0                       | 4.0                    |
| August    | 7.8                | 6.0                       | 4.0                    |
| September | 7.8                | 6.0                       | 4.0                    |
| October   | 7.8                | 6.0                       | 4.0                    |
| November  | 7.8                | 6.0                       | 4.0                    |
| December  | 8.25               | 6.5                       | 4.5                    |

Source: *The State Bank of Vietnam*



## PHỤ LỤC

| Tổ chức tín dụng                                                                                                                                                   | Tỷ lệ dự trữ bắt buộc (%) |       |              |          |              |       |              |       |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------|--------------|----------|--------------|-------|--------------|-------|
|                                                                                                                                                                    | Tháng 8/2003              |       |              |          | Tháng 7/2004 |       |              |       |
|                                                                                                                                                                    | <12 tháng                 |       | 12-<24 tháng |          | <12 tháng    |       | 12-<24 tháng |       |
|                                                                                                                                                                    | VND                       | Ng.tệ | VND          | Ngoại tệ | VND          | Ng.tệ | VND          | Ng.tệ |
|                                                                                                                                                                    |                           |       |              |          |              |       |              |       |
| 1.Ngân hàng thương mại Nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần đô thị, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh và Công ty Tài chính.                   | 2                         | 4     | 1            | 1        | 5            | 8     | 2            | 2     |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN                                                                                                                   | 1,5                       | 4     | 1            | 1        | 4            | 8     | 2            | 2     |
| 2.Ngân hàng thương mại cổ phần Nông thôn, Ngân hàng Hợp tác, Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương.                                                                     | 1                         | 4     | 1            | 1        | 2            | 8     | 2            | 2     |
| 3.Tổ chức tín dụng có số dư tiền gửi phải tính dự trữ bắt buộc dưới 500 triệu đồng, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, Hợp tác xã tín dụng, Ngân hàng Chính sách xã hội. | 0                         | 0     | 0            | 0        | 0            | 0     | 0            | 0     |

\* **Ghi chú:** Dự trữ bắt buộc được tính trên số dư tiền gửi huy động bình quân (bao gồm cả đồng VN, ngoại tệ) không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 24 tháng của các tổ chức tín dụng.

**Nguồn số liệu:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



| Type of Institutions                                                                                                                                                                  | Reserve requirement Ratio (%) |                  |              |                  |            |                  |              |                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------|--------------|------------------|------------|------------------|--------------|------------------|
|                                                                                                                                                                                       | August, 2003                  |                  |              |                  | July, 2004 |                  |              |                  |
|                                                                                                                                                                                       | <12 month                     |                  | 12-<24 month |                  | <12 month  |                  | 12-<24 month |                  |
|                                                                                                                                                                                       | VND                           | Foreign currency | VND          | Foreign currency | VND        | Foreign currency | VND          | Foreign currency |
| 1. State-owned commercial banks, urban joint-stock commercial bank branches of foreign banks, joint-venture banks Finance companies                                                   | 2                             | 4                | 1            | 1                | 5          | 8                | 2            | 2                |
| 2. Vitenam Bank for Agriculture and Rural Development                                                                                                                                 | 1,5                           | 4                | 1            | 1                | 4          | 8                | 2            | 2                |
| 3. Rural joint -stock commercial bank, cooperative bank, central people's credit fund, local people credit funds                                                                      | 1                             | 4                | 1            | 1                | 2          | 8                | 2            | 2                |
| 4. Credit institutions with outstanding deposits subject to reserve requirement of less than VND 500 million, local people's credit funds, credit cooperative, Bank for Social policy | 0                             | 0                | 0            | 0                | 0          | 0                | 0            | 0                |

**\* Note:** - Reserve requirement is calculated on the average demand deposits and term deposits of less than 24 months (including VND and foreign currencies) of credit institutions

**Source:** State Bank of Vietnam



## PHỤ LỤC

### THU, CHI VÀ BỘI CHI NSNN (2001-2005)

Đơn vị tính: triệu USD

| NĂM                                                         | 2001  | 2002  | 2003  | 2004  | 2005 Estimate | 2001-2005 |
|-------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|---------------|-----------|
| Tổng thu ngân sách/GDP                                      | 21.59 | 20.97 | 23.46 | 23.41 | 25.11         | 22.91     |
| Thu nội địa(không kể dầu thô)/ Tổng thu/<br>Thu từ dầu thô/ | 50.7  | 50.4  | 52.3  | 53.5  | 54.7          | 52.32     |
| Tổng thu NSNN                                               | 25.3  | 21.8  | 22.6  | 25.9  | 26.4          | 24.4      |
| Thu khác/Tổng thu                                           | 24.0  | 27.7  | 25.2  | 20.6  | 19.0          | 23.32     |
| Tổng chi ngân sách/ GDP                                     | 26.96 | 26.33 | 29.14 | 28.89 | 30.82         | 28.42     |
| Chi đầu tư phát triển/ Tổng chi                             | 31.0  | 30.5  | 28.9  | 30.1  | 32.2          | 30.54     |
| Chi thường xuyên/Tổng chi                                   | 55.1  | 52.7  | 54.2  | 55.7  | 52.1          | 53.96     |
| Chi trả nợ và viện trợ/ Tổng chi                            | 11.5  | 13.4  | 14.3  | 14.1  | 13.5          | 13.30     |
| Cân đối ngân sách thực tế/GDP                               | -4.67 | -4.96 | -4.95 | -4.87 | -4.86         | -4.86     |
| Nguồn : Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê                   |       |       |       |       |               |           |

### XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA VIỆT NAM - NĂM 2005 THEO ĐỐI TÁC

Đơn vị tính: Triệu USD

| Khối/ nước               | Xuất khẩu |                 | Nhập khẩu |                 |
|--------------------------|-----------|-----------------|-----------|-----------------|
|                          | Trị giá   | Tăng trưởng (%) | Trị giá   | Tăng trưởng (%) |
| Mỹ                       | 5.931     | 18,8            | 864       | -23,3           |
| Nhật                     | 4.411     | 26,0            | 4.093     | 15,2            |
| Trung quốc               | 2.961     | 8,3             | 5.779     | 29,7            |
| EU (15 nước)             | 5.310     | 10,8            | 2.489     | -3,6            |
| ASEAN                    | 5.450     | 40,6            | 9.460     | 21,8            |
| Các nước khác            | 8.379     | 26,8            | 14.293    | 14,6            |
| Tổng số                  | 32.442    | 22,4            | 36.978    | 15,7            |
| Nguồn: Tổng cục Hải quan |           |                 |           |                 |



## APPENDICES

### REVENUE, EXPENDITURE AND DEFICIT OF STATE BUDGET (2001-2005)

Unit: in USD million

| YEAR                                                       | 2001  | 2002  | 2003  | 2004  | 2005 Estimate | 2001-2005 |
|------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|---------------|-----------|
| Total Revenue/GDP                                          | 21.59 | 20.97 | 23.46 | 23.41 | 25.11         | 22.91     |
| Domestic Revenue (excluding oil)/<br>Total Revenue         | 50.7  | 50.4  | 52.3  | 53.5  | 54.7          | 52.32     |
| Oil Revenue/Total Revenue of the State<br>Budget           | 25.3  | 21.8  | 22.6  | 25.9  | 26.4          | 24.4      |
| Other Revenue/Total Revenue                                | 24.0  | 27.7  | 25.2  | 20.6  | 19.0          | 23.32     |
| Total Expenditure/GDP                                      | 26.96 | 26.33 | 29.14 | 28.89 | 30.82         | 28.42     |
| Investment Exp./Total Exp.                                 | 31.0  | 30.5  | 28.9  | 30.1  | 32.2          | 30.54     |
| Current Expenditure/Total Exp.                             | 55.1  | 52.7  | 54.2  | 55.7  | 52.1          | 53.96     |
| Payment and grants Expenditure /Total<br>Expenditure       | 11.5  | 13.4  | 14.3  | 14.1  | 13.5          | 13.30     |
| Real Fiscal Balance/GDP                                    | -4.67 | -4.96 | -4.95 | -4.87 | -4.86         | -4.86     |
| Source : Ministry of Finance and General Statistics Office |       |       |       |       |               |           |

### VIETNAMESE GOODS EXPORT-IMPORT BY MARKET IN 2005

In USD million

| Zone/country                 | Export |                 | Import |                 |
|------------------------------|--------|-----------------|--------|-----------------|
|                              | Value  | Growth rate (%) | Value  | Growth rate (%) |
| United States                | 5.931  | 18,8            | 864    | -23,3           |
| Japan                        | 4.411  | 26,0            | 4.093  | 15,2            |
| China                        | 2.961  | 8,3             | 5.779  | 29,7            |
| EU (15 countries)            | 5.310  | 10,8            | 2.489  | -3,6            |
| ASEAN                        | 5.450  | 40,6            | 9.460  | 21,8            |
| Other countries              | 8.379  | 26,8            | 14.293 | 14,6            |
| Total turnover<br>of Vietnam | 32.442 | 22,4            | 36.978 | 15,7            |
| Nguồn: Tổng cục Hải quan     |        |                 |        |                 |

## HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

